

CỔ VĂN VIỆT NAM
VÔ DANH THỊ!

QUAN-ÂM **THỊ KÍNH**

Thi-Nham ĐÌNH GIA THUYẾT
ĐÍNH - CHÍNH và CHÚ - THÍCH



SÁCH GIÁO-KHOA
TÂN VIỆT

QUAN-ÂM THỊ-KÍNH

CƠ VẢN VIỆT NAM

VÔ DANH TH!

QUAN-ÂM

THI KINH

Thi-Nham ĐINH GIA THUYẾT
ĐÍNH - CHÍNH và CHÚ - THÍCH



SÁCH GIÁO-KHOA
TÂN VIỆT

LƯỢC TRUYỀN

Truyện này do một tác-giả vô-danh Việt-nam biên-soạn. Truyện diễn-ca gồm có 788 câu, có thể tóm-tắt chia ra làm 5 hồi :

I

NỖI OAN GIẾT CHỒNG

(Thử-thách thử nhất)

Đức Quan-Âm nguyên trước kia là đàn-ông, tu-hành đắc đạo gần thành Phật. Nhưng Đức Mâu-ni hiện ra người con-gái đẹp để thử lòng thì ngài hẹn đến kiếp sau sẽ vầy duyên. Vì vậy Đức Phật bắt ngài sinh làm kiếp thử mười và cho ngài đầu thai làm con-gái họ Mãng ở quận Lũng-tài nước Cao-ly, rồi bắt suốt đời phải chịu oan-khổ để thử lòng.

Người con-gái ấy tên là Thị Kinh, lớn lên có tài-sắc nét-na. Sau cha mẹ gả cho Thiện-Sĩ, một thư-sinh, con nhà họ Sùng. Hai vợ chồng ăn-ở với nhau rất hòa-thuận. Một đêm kia chồng ngồi đọc sách, nàng ngồi khâu bên cạnh. Chồng mệt, tựa

bên cạnh ngủ. Nàng nhìn thấy nơi càm chồng có râu mọc ngược ; sẵn dao nơi tay, nàng toàn cắt sợi râu đi. Bỗng người chồng giật mình thức dậy, tưởng vợ có ý ám-hại mình bèn tri-hồ lên. Cha mẹ chồng đến, một mực buộc nàng cố ý giết chồng, rồi sai mời Mãng-ông đến để giao trả nàng lại.

II

THỊ - KÍNH ĐI TU

Về nhà cha mẹ, oan-ức và đau-buồn mà không biết thổ-lộ cùng ai, nàng định tự-tử. Song nàng nghĩ mình là con một, mà cha mẹ thì đã già nên không nỡ dứt tình. Nàng bèn quyết chí đi tu. Nàng giả dạng nam-nhi, đến chùa Vân-tự xin qui-y. Được sư-cụ thừa-nhận, đặt tên cho là Kính-Tâm.

III

NỖI OAN THÔNG DÂM

Thử-thách thử nhi

Nhờ câu kinh tiếng kệ, Kính-Tâm dần quên được đau-buồn. Nhưng không bao lâu lại xảy ra tai-vạ nữa.

Nguyên trong làng có Thị-Mầu, con-gái của một phú-ông, hiện đương kén chồng nên thường hay đến lễ chùa. Thị-Mầu thấy tiểu Kính-Tâm có tư-sắc thanh-tao, đem lòng say-mê, nhưng Kính-Tâm thì vẫn thờ-ơ.

Vì mơ-tưởng nguyệt-hoa quá nên khi lửa dục nhóm lên, không tự-chủ được, Thị-Mầu mới thông dâm với đứa đầy-tớ trong nhà, thành ra có mang. Chuyện đồn-bề ra, làng biết, gọi ra tra hỏi thì Thị-Mầu đổ cho Kính-Tâm. Kính-Tâm khó thể minh-oan nên làng phạt đánh và bắt khoán. Nhà sư thương-hại đứng ra lĩnh về.

VIII

IV

THỊ - KÍNH NUÔI CON THỊ - MẦU

(*Lòng từ-bi*)

Sau Thị-Mầu sinh được một đứa con-traí, đem ra chùa trả cho Kinh-Tâm. Vì dạ hiếu sinh Kinh-Tâm ân-nhân nuôi đứa hài-nhi. Ba năm sau, đứa bé khôn lớn. Kinh-Tâm đã đến ngày siêu-hóa, bèn gọi đứa bé lại dặn-dò rồi viết một bức thư để lại cho cha mẹ trước khi xả-tự.

V

RỪA OAN VÀ THÀNH PHẬT

Khi sư-vãi trong chùa liệm thi-hài mới biết Kinh-Tâm là đàn-bà giả trai. Làng hay, bắt Phú-ông phải sắp-đặt việc chôn cất. Thị-Mầu khi ấy hồ-thẹn phải liễu mình. Và lúc chết phải sạ vào địa-ngục. Được thư báo tin, ông bà họ Mãng cùng Thiện-Sĩ và đứa bé đến chùa lo việc ma-chay, cầu cho Thị-Kính kiếp sau khỏi khổ-nạn.

Trong lúc chạy đàn, đức Phật Thiên-Tôn hiện xuống truyền cho Kinh-Tâm được lên trời làm Phật Quan-Âm, ông bà họ Mãng và đứa tiểu-nhi cũng được siêu thăng. Duy chỉ có Thiện-Sĩ thì cho làm con vệt đứng nhờ một bên.

. . .

5 hồi trên đây, có thể chia ra làm 31 đoạn :

- 1.— *Mở đầu,*
- 2.— *Vào truyện.*
- 3.— *Quan-Âm thác sinh.*
- 4.— *Họ Sùng ngỏ lời thông-gia với họ Mãng.*
- 5.— *Họ Mãng bằng lòng nhận lời cầu hôn của họ Sùng.*
- 6.— *Thị-Kính buồn nỗi phải xa cha mẹ.*
- 7.— *Cha mẹ khuyên-giải thị-Kính.*

- 8.— *Thị-Kính về nhà chồng.*
- 9.— *Thị-Kính bị nghi oan là giết chồng.*
- 10.— *Thị-Kính bày-tỏ nỗi oan.*
- 11.— *Nhà chồng có ý ngờ Thị-Kính có ngoại tình.*
- 12.— *Thị-Kính từ-giã nhà chồng về nhà cha mẹ đẻ.*
- 13.— *Lúc vợ chồng từ-giã nhau.*
- 14.— *Thị Kính sau khi về nhà cha mẹ đẻ.*
- 15.— *Thị Kính cải trang trốn đi ở chùa.*
- 16.— *Thị Kính xin vào tu tại chùa Vân-lự.*
- 17.— *Thị Kính được đổi tên là Kình-Tâm làm tiểu nhà chùa.*
- 18.— *Thị Mầu phải lòng tiểu Kình-Tâm.*
- 19.— *Thị Mầu tư-thông với đứa-ở.*
- 20.— *Phú-ông tra hỏi Thị Mầu.*
- 21.— *Vì làng dò hỏi, phú-ông phải dẫn Thị Mầu ra đình.*
- 22.— *Tiểu Kình-Tâm bị làng tra hỏi.*
- 23.— *Tiểu Kình-Tâm bị đòn.*
- 24.— *Nhà sư xin bảo-lĩnh cho tiểu Kình-Tâm.*
- 25.— *Nội-niệm tiểu Kình-Tâm khi ra ở tam-quan.*
- 26.— *Thị Mầu sinh con trai, đem giao trả cho Kình-Tâm.*
- 27.— *Tiểu Kình-Tâm nhận nuôi đứa tiểu-nhi của Thị Mầu.*
- 28.— *Tiểu Kình-Tâm viết thư dặn con rồi siêu thoát.*
- 29.— *Nội nhà họ Mãng sau khi nhận được thư.*
- 30.— *Tiểu Kình-Tâm siêu-thăng được làm Phật Quan-Âm.*
- 31.— *Kết-luận.*

QUAN-ÂM THI-KÍNH

MỞ ĐẦU :

- 1.— Nhân-sinh thành Phật dễ đâu, (1)
Tu-hành có khổ rồi sau mới thành. (2)
Ai hay vững dạ làm lành,
Chứng-minh (3) trong chốn minh-minh(4) cũng
tường.
Kìa Ngô-thị, tụng Kim-cương (5),
Chân thân còn để tượng vàng nghìn thu.
Kìa Địa-Tạng, dốc lòng tu (6),

(1) *Nhân-sinh thành Phật* (人生成佛) người đời tu nên Phật.

(2) *Khổ* (苦) khổ-hạnh, có khổ-hạnh mới thành được Phật.

(3) *Chứng-minh* (証明) chứng tỏ rõ-ràng, tiếng nhà Phật.

(4) *Minh-minh* (冥冥) mờ-mịt không thấy gì, ý nói : chỗ mờ-mịt kín-dáo không ai biết, hay ai trông thấy.

(5) *Ngô-thị* (吳氏) một vị sư-ni tên là Ngô-Am về (宋) đời nhà Tống hay tụng kinh Kim-cương, sau thành Phật.

(6) *Địa-Tạng* (地藏) tức là Mục-Liên (目連) hay Mục Kiền Liên (目犍連)

QUAN-ÂM THỊ-KÍNH

Độ thân cũng được khỏi tù đặng thân. (1)

Ấy là những truyện gần gần,

10.— Tu thân mà được, độ thân lắm người.

VÀO TRUYỆN :

Lọ là đức-hạnh tốt vời (2),

Đức Quan-Âm ấy truyện đời còn ghi.

Vốn xưa là đấng nam-nhi,

Dốc lòng từ thừa thiếu-thì xuất gia (3).

Tu trong chín kiếp hầu qua (4),

Bụi trần dũ sạch, thói tà rửa không.

Đức Mầu-ni (5) xuống thử lòng,

Hiện ra một ả tư-dung mỹ-miêu.

Lần-khân ép dấu nài yêu,

(1) *Mẹ Mục-Liên* là người ác-nghiệt, sau khi chết đi, bị đày vào ngục Ngã-quỷ (餓鬼) : ma đói. Khi ấy Mục-Liên còn làm đệ-tử, theo Phật xuống thăm địa-ngục, thấy mẹ bị đày ải khổ sở, cầu đức Phật cứu cho, đức Phật dạy phải tụng kinh Vu-Lan Bồn (盂蘭盆) và nhân ngày 15 tháng 7 âm-lịch làm lễ Siêu-độ, rồi mẹ được thoát nạn. Sau người ta cũng bắt chước, cứ đến 15 tháng 7 là ngày Trung-nguyên thì làm chay, Tức là lễ Vu-Lan-Bồn tại các chùa.

(2) *Tốt vời* : hơn cả mọi người.

(3) *Thiếu-thì* (少時) lúc còn ít tuổi xuất-gia (出家) đi tu,

(4) *Kiếp* (劫) tức là đời. Kinh Lăng-nghiêm : nhà nho gọi là đời, nhà phật gọi là kiếp, nhà đạo gọi là trần (楞嚴經 : 儒爲世釋爲劫道爲塵).

(5) *Mầu-ni* tức là Như-Lai. Thích Ca Mầu-ni Phật (釋迦牟尼佛) Giáo-chủ của nhà Phật.

20.— Người rằng: « Vốn đã lánh điều nguyệt-hoa.(1)

« Có chẳng kiếp khác họa là,
« Kiếp này sợi chỉ trót đã buộc tay ».

Nào ngờ phép phạt nhiệm thay,
Lỡ lời mà đã vin ngay lấy lời.

Chờ cho kiếp nữa đủ mười,
Thử cho đày-đọa suốt đời xem sao ?

QUAN-ÂM THÁC SINH:

Cõi trần mượn cửa thác vào,
Hóa sinh, sinh hóa lẽ nào cho hay.

Cao-ly (2) là nước lớn thay,

30.— Đại-bang thành (3) vốn xưa nay gọi là.

Lũng-tài (4) quận ấy bao xa,

Hồ-nam (5) huyện bắc, có nhà Mãng-ông (6).

Gia-tư thì cũng bậc trung,

(1) *Người* đây tức là đức Quan-Âm (người đã tu 9 kiếp ấy).

(2) *Cao-ly* (高麗) tức là nước Triều-tiên (朝鮮) cũng có tên là nước Hàn (韓)

(3) *Đại-bang-thành* (大邦城) tên một thành của nước Cao-ly.

(4) *Lũng-tài* (隴才) tên một quận thuộc thành Đại-bang nước Cao-ly.

(5) *Hồ-nam huyện bắc* (湖南縣北) phía bắc huyện Hồ-nam.

(6) *Mãng-ông* (莽翁) tên ông thân-sinh ra đức Quan-Âm.

QUAN-ÂM THỊ-KÍNH

Chỉ hiềm trước cửa treo cung còn chầy (1),
Vết Kim-Tiến (2) kẻ thiêng thay,
Bảo thai mộng nguyệt, mãi ngày treo khăn (3)
(3-B)

Tuy chưa phải đấng thạch-lân (4)
Khẩn-cầu cũng bỏ người thân muộn-màng.

Đặt cho Thị-Kinh (5) tên nàng,

40.— Đuộm nhuần sắc nước, dịu-dàng nét hoa (6).

(1) *Treo cung* : bởi chữ « huyền hồ » (懸弧) Tục bên Tàu : đẻ con trai thì treo cái cung bằng gỗ dâu ra cửa, lấy nghĩa là con trai chí ở bốn phương (đi đánh-dẹp bốn phương). Bởi thế, đến sau người ta thường dùng chữ « tang bông 桑蓬 » (bởi chữ tang hồ bông thì 桑弧蓬矢): cái cung bằng gỗ dâu, cái tên bằng cò bông, để nói về nam giới. Cụ Mãng-ông chưa có con trai.

(2) ? *Nhất thiết* là một tên riêng của Phật

(3) *Mộng nguyệt* (夢月) ngày xưa bà Võ-minh Hoàng-hậu nước Tề năm chiêm bao thấy mặt trăng rơi vào trong bụng, rồi sau thụ thai đẻ ra con gái, sau làm hoàng-hậu, tức là Ngụy-hậu, sau người ta gọi đẻ con gái là « mộng-nguyệt » là vì thế.

(3-B) ? *Nhất thiết* : tục bên Tàu ngày xưa đẻ con gái thì treo cái khăn ở cửa bên phải.

(4) *Thạch-lân* (石麟) : Ngài xưa Tử-lăng (子陵) mới sinh ra, có Bảo-Chí-Thượng-Nhân (nhà tu-hành) mài vào trán mà bảo rằng : « đây là con kỳ-lân đá ở trên trời » (天上石麒麟) chữ Thạch-lân ở đây, do đẩy mà ra. Ở đây ý nói là chưa phải là con trai.

(5) *Thị-Kinh* (氏敬) tức là tên đức Quan-Âm lúc còn bé.

(6) *Sắc nước* : bởi chữ « quốc-sắc » (國色). Nét hoa : bởi chữ hoa nhan (花顏) : ý nói người đẹp lắm.

Não-nùng chim cũng phải sa (1)
Người tiên-cung ở đâu ta trên đời.
Gồm trong tứ đức (2) vẹn mười,
Cửa Vương-đạo dễ mấy người giòng dòng. (3)

HỌ SÙNG NGỎ LỜI
THÔNG GIA VỚI HỌ MÃNG :

Ở trong quận, có họ Sùng,
Sẵn khuôn y-bát, vốn dòng cân-đai (4).

(1) *Chim sa* : bởi chữ « nhạn lạc 雁落 » chim nhạn sa xuống. Ý nói : người con-gái đẹp quá, chim đương bay trên trời, trông thấy người con-gái đẹp ấy cũng phải sa xuống.

(2) *Tứ đức* (四德) : dung : đáng-dấp ; công : công việc ; ngôn : nói-năng ; hạnh : nét-na, bốn cái ấy là đức tốt của đàn-bà con-gái.

(3) *Giòng dòng* : bởi chữ « Sàng đông » (床東). Sách Tấn-thư : Khích Giám ngày xưa sai người đến nhà Vương Đạo kén rề, người ấy đi về, trình với Khích Giám rằng : con trai nhà họ Vương người nào cũng giỏi dang cả, thấy tin có người đến kén rề, mọi người đều có ý làm dôm, duy có một người cứ nằm phưỡn bụng ra ở cái giường về phía đông mà ăn bánh coi thản-nhiên như không chuyện gì. Khích Giám nói : người ấy mới đáng là rề ta. Hỏi ra mới biết người ấy tên là Vương hy Chi (王羲之), bèn gả con-gái cho. Vương hy Chi quả là một người tài giỏi, văn hay chữ tốt. Về sau người ta dùng chữ « sàng đông » (床東) để nói bóng là chàng rề quý.

(4) *Y-bát* (衣鉢) cái áo, cái bát, hai thứ pháp-khi truyền thống của nhà Phật (佛家傳統之二法器) Y : tức là áo cà-sa, bát : tức là bát đựng món ăn chay. Người ta cũng mượn chữ y-bát để nói bóng về nề-nếp gia-giáo một nhà danh-gia nào. *Cân-đai* : nói bóng những nhà quan-tước.

QUAN-ÂM THỊ-KÍNH

Sinh chàng Thiên Sĩ (1) là trai,
Qua vòng tổng-giốc (2) mới ngoài gia-quan (3).
Kể điều tài-mạo (4) cũng ngoan,
50. — Gã Tào (5) kiếp trước, chàng Phan phen này
(5—B).
Đã trồng bạch-bích sẵn đây (6),

(1) *Thiên Sĩ* (善士) con trai nhà họ Sùng, sau này là chồng bà Thị-Kính.

(2) *Tổng-giốc* (總角) cuốn tóc lại như cái sừng. Trong thiên Nội-Tắc kinh Lễ : con trai con gái chưa đến tuổi đội mũ hay cài trâm, thì cuốn tóc kết lại như cái sừng, cho nên gọi là « tổng-giốc ».

(3) *Gia-quan* (加冠) : đội mũ. Trong kinh Lễ : ngày xưa con trai đến 20 tuổi thì làm lễ đội mũ, từ đây trở đi mới gọi là thành nhân.

(4) *Tài-mạo* (才貌) : tài-năng và diện-mạo.

(5) *Gã Tào* tức là *Tào Thực* (曹植) con Tào Tháo đời Tam-quốc có tài trong khi đi 7 bước làm xong một bài thơ.

(5-B) *Chàng Phan* tức là *Phan Nhạc* (潘岳) người đời Tấn, quê ở Trung-mâu. Người rất đẹp trai, đi lên chơi đất Lạc-dương, các con gái xúm quanh lại đề ngắ, có nhiều à phải lòng, lấy các quả ngon ném vào chàng đề trêu-gheo.

(6) *Sách Sưu-Thần-Ký* (搜神記) : ngày xưa có người tiên cho Ung-Bá một thúng hạt rau, bảo đem trồng sẽ được ngọc quý và vợ đẹp. Ung-Bá đem trồng một chỗ. Sau Ung-Bá hỏi con gái nhà họ Từ (徐). Họ Từ đòi phải có đôi ngọc quý làm sính lễ mới gả. Ung-Bá đến chỗ trồng hạt rau ngày trước, quả nhiên đào được 5 đôi ngọc Bạch-bích (白璧) dùng làm sính lễ. Sau nhà vua cho Ung-Bá làm Đại-phu, và đặt tên chỗ ấy là Ngọc-diên (玉田).

QUAN-ÂM THỊ-KÍNH

Còn chờ bói phượng (1) chưa vầy bạn loan (2).

Thư-trung dành có ngọc-nhan (3),

Sách-dèn còn bận, buồng màn Quảng Xuyên (4).

Vẳng nghe họ Mãng gần miền,

Lam-kiều (5) là chốn thần-tiên có người.

Bức tranh khổng-tước (6) vẽ vờ,

Tay hèn đầu bấn mấy đời cho tin (6-B).

(1) *Tả-truyện* (左傳) : Trần kính Trọng làm quan Công-Chính nước Tề. Quan Đại-Phu là Ý-Thị muốn gả con gái cho Kính-Trọng, bói được một quẻ tốt có câu rằng : phượng hoàng vu phi, hòa minh tương tương (鳳凰于飛和鳴銛銛) bèn gả con gái cho Kính Trọng. Sáu người ta dùng chữ bói phượng đề chỉ việc hôn-nhân.

(2) *Bạn loan* : bởi chữ « loan phượng hữu » (鸞鳳友) : vợ chồng tốt đôi ví như chim loan chim phượng làm bạn với nhau vầy.

(3) Do câu thơ *Trung hữu nữ nhan như ngọc* (書中有女顏如玉) trong sách có người con gái đẹp, mặt trắng như ngọc : đây ý nói là ham đọc sách hình như trong sách có người con gái đẹp.

(4) *Quảng Xuyên* (廣川) tức là Đồng trọng Thư (董仲舒) người đời Hán, chăm học đến nỗi buồng màn xuống, ngồi trong màn mà đọc sách 3 năm không ngó đến vườn.

(5) *Lam-kiều* (藍橋) bởi câu thơ : « Lam-kiều tiện thị thần-tiên quật » (藍橋便是神仙窟) : Chốn Lam-kiều tức là tổ của các người tiên, trong tích Búi Hàng (裴航) ngày xưa gặp nàng Vân-Anh ở đấy.

(6) *Khổng-tước* (孔雀) : con chim công : Ngày xưa Đạu Nghi có người con gái, trông tướng-dáng có vẻ cung-phi,

(Xem tiếp chú-thích trang 20)

QUAN-ÂM THỊ-KÍNH

Đem cân mà thử nhắc lên,
60.— Bèn tài bèn sắc đôi bèn cũng vừa.
Mượn người đánh tiếng trình thưa,
Cầu hôn mới viết thư-từ đệ sang.

HỌ MĂNG BẮNG LÒNG NHẬN LỜI CẦU HÔN CỦA HỌ SÙNG :

Mở ra họ Măng xem tường,
Cùng phu-nhân mới lo-lường trước sau.
Bấy lâu vốn đã quen nhau,
Họ người vả cũng công-hầu xưa kia (1).
Con trai rèn cặp sớm khuya,
Nhà thi-thư lại giữ nghề thi-thư.
Vừa đôi phải lứa quan-thư (2),

hoàng hậu. muốn kén rể, bèn vẽ một bức tranh con chim công vào cái bình phong. hẹn rằng người nào bắn trúng cả hai mắt con chim công thì gả con gái cho. Ông Lý Uyên (tức sau là Vua Cao-tò nhà Đường) bắn trúng cả hai mắt con chim công ông bèn gả con gái cho, sau người con gái ấy quả nhiên làm Hoàng-hậu thực.

(1) *Công-hầu* (公侯) bởi chữ công-hầu tử tôn (公侯子孫) ý nói con cháu tước công tước hầu, tức là con nhà dòng dõi.

(2) *Quan-thư* (關雎) : tên một thơ trong kinh Thi, thơ này khen bà Hậu-phỉ lấy vua Văn-vương nhà Chu (周) là tốt đôi, trong thơ ấy có câu rằng : Quan quan thư cư, tại hà chi châu, yêu diệu thực nữ, quân tử hảo cầu (關關雎鳩在河之洲窈窕淑女君子好逑) : chim thư-cư riu-rít cùng nhau ở trên bãi sông, người thực-nữ dụ-dàng, sánh với người quân-tử, thực là tốt đôi vừa lứa lắm.

QUAN-ÂM THỊ-KÍNH

70.—Hả rằng Trịnh với Tề ư mà ngờ (1).

Đừng rằng oanh-yến lọc-lừa,

Lại còn nay đợi mai chờ nơi nao?

Tơ-hồng (2) đã khéo xe vào,

Viết thơ hoàn-cát mà trao họ Sùng (3).

THỊ-KÍNH BUỒN NỖI

PHẢI XA CHA MẸ :

Nàng nghe nghĩ-ngợi đã xong,

Năm canh thức-mắc, trong lòng cảm thương.

Linh Xuân một khóm hầu vàng, (4),

Quế non Yên (5) đã nở-nang chồi nào?

Có ta một chút má đào,

(1) *Trịnh* (鄭) với *Tề* (齊) : hai nước về đời Xuân-thu chiến quốc (春秋戰國) nước Tề thì lớn, nước Trịnh thì nhỏ. Vua nước Tề muốn gả con gái cho con vua nước Trịnh, nhưng thế-tử (世子) nước Trịnh nhất định từ chối không lấy, cho là nước Trịnh nhỏ, nước Tề lớn, chênh-lệch nhau quá, không dám lấy. Đây ý nói hai nhà không hòa kém gì nhau cả.

(2) *Tơ-hồng* : búi chữ xích-thằng (赤繩) giây thắm buộc chân trong chuyện Vy-Cổ, ý nói là duyên trời xe.

(3) *Hoàn-cát* (完吉) tốt lành, nhận lời thông gia với nhau.

(4) (5) *Linh Xuân* (靈椿) : cây thông già. Đậu vũ Xưng đời Tống, sinh được 5 con trai, Xưng khéo dạy con, 5 con đều thành đạt cả, bấy giờ người ta có câu khen rằng : « *Linh-Xuân nhất châu lão, đan quế ngũ chi phương* » (靈椿一株老丹桂五枝芳) : một gốc thông già, năm cành quế thơm. *Quế non Yên* tức là con trai họ Đậu ở Yên-sơn (quê của Đậu vũ Xưng). Sau người ta thường mượn chữ « quế » đề ví vào con trai quý. Đây ý nói là Mãng-Ông chưa có con trai.

QUAN-ÂM THỊ-KÍNH

80.— Thần-hôn (1) cũng đã ra vào làm khuấy.

 Áo Lai chưa múa sân này (2),

 Thì đem kinh-bố (3) mà thay gọi là.

 Tồng phu nếu đã từ gia (4),

 Thừa hoan như lúc ở nhà được dâu(5)?

CHA MẸ KHUYỀN -

GIẢI THỊ KÍNH :

 Song thân (6) thấy ý deo sầu,
 Gọi con mới dạy gót đầu cho hay.

 « Kể làm phụ-mẫu xưa nay,

 « Gái sinh mong sớm đến ngày hữu gia (7).

(1) *Thần-hôn* (晨昏) bởi chữ thần-hôn định tỉnh 晨昏定省 : sớm hôm thăm hỏi cha mẹ.

(2) *Áo Lai* : Áo ông Lão-Lai Tử (老萊子) Một hiếu-tử trong cuốn Nhị-Thập Tứ Hiếu (二十四孝). Ông đã già, hãy còn cha mẹ, ông thường mặc áo sắc đỏ, giả làm trẻ con, chơi đùa nhảy múa, để cho vui lòng cha mẹ. Ý nói cha mẹ chưa có con trai để làm vui.

(3) *Kinh-bố* cũng như là *bố-kinh* (布荆) bởi chữ kinh thoa (荆釵) : cái thoa gài đầu bằng cái gai. Bố-quần (布裙) : quần bằng vải. Ngày xưa nàng Mạnh Quang là vợ Lương Hồng là người đàn bà hiền, chỉ dùng cái gai để làm cái thoa cài tóc, và mặc quần vải. Ý nói lấy mình là con gái hầu hạ cha mẹ thay cho con trai.

(4) *Tồng phu* (從夫) : theo chồng. *Từ gia* (辭家) : bỏ nhà đi lấy chồng.

(5) *Thừa hoan* (承歡) hầu hạ cha mẹ.

(6) *Song thân* (雙親) : hai cha mẹ.

(7) *Hữu gia* (有家) : có chồng. Bởi câu : sinh nữ nguyện vị chi hữu gia (生女願爲之有家) : để con gái mong cho có chồng.

- « Cứ xem phúc-trạch nhà ta,
90.— « Một mai cũng dễ trai già nở châu (1).
« Sự nhà chó lầy lậm sâu,
« Miễn con giữ đạo làm dâu cho toàn.
« Núi kia ắt hẳn chưa mòn,
« Thông kia sương-tuyết hãy còn chở-che (2).
« Vả xem lối lại đường đi,
« Quanh đây thăm viếng đời khi cũng gần. »

THỊ KÍNH VỀ
NHÀ CHỒNG :

- Nàng nghe dạy-dỗ ân-cần,
Gạt châu (3) mới nghĩ, lại dần dần khuây.
Cả đi, nhận lại, tin bay (4),
100.— Đủ năm lễ (5) đã đến ngày thừa long (6).

(1) *Trai già nở châu* : do câu lão bạng sinh châu (老蚌生珠) con trai đã già, lại sinh ra ngọc châu, ý nói : người già lại sinh con trai.

(2) Hai câu này ý nói cha mẹ vẫn còn khỏe mạnh.

(3) *Châu* : bởi chữ lệ-châu (淚珠) : giọt nước mắt chảy xuống trông như hạt châu.

(4) Đời xưa thường lấy thơ buộc vào chân chim hay vào mang cá, để đưa tin cho nhau.

(5) *Năm lễ* : theo nghi-lễ về việc cưới trong kinh Lễ, thì 5 lễ là *Nạp thái* (納采) : đưa lễ-vật đến chạm mặt, *Vấn danh* (問名) : ăn hỏi, *Nạp cát* (納吉) : báo tin đã chọn được ngày tốt, *Thỉnh kỳ* (請期) : xin định ngày cưới, *Thân nghênh* (親迎) : rước dâu.

(6) *Thừa long* (乘龍) : cưới rồng. Ngày xưa Hoàng Thường và Lý Ưng cùng lấy hai con gái nhà họ Hoàn, hai rề điều quý hiền cả. Thơ Đỗ từ Mỹ có câu rằng : « Môn my đa hỷ sắc, nữ tử khoái thừa long » (門楣多喜色女子快乘龍) : trong nhà nhiều khí sắc vui vẻ, vì các con gái đều lấy chồng khá, ví như là cưới rồng.

QUAN-ÂM THỊ-KÍNH

Đào-yêu chơi-chối màu hồng (1),
Ngọc trao chén dạn, hương xông áo nguyền.
Gió đặng kẻ khéo đưa duyên (2),
Chàng Lưu (3) giọng-ruồi đến miền Thiên-thai.
Tiếng cầm tiếng sắt bể-bai (4),
Tiếng chuông, tiếng trống, bèn tai rập-rình (5).
Một đôi tài sắc vừa xinh,
Đố Tăng-Đô (6) vẽ bức tranh nào bằng ?
Có đêm thề thốt dưới trăng,

(1) *Thơ đào-yêu* (桃 夭) trong kinh Thi có câu rằng : đào chi yêu yêu, chúc chúc kỳ hoa (桃 之 夭 夭 灼 灼 其 花) : cây đào xanh rờn rờn, hoa nở đỏ rực-rỡ. Thơ này ý nói là sự hôn-nhân kịp thì.

(2) *Gió đặng* : bởi câu : thời lai phong tống Đằng-Vương các (時 來 風 送 滕 王 閣) : khi nên gió thổi gác Đằng-Vương. Đây nói : nói bóng là sự nhân-duyên may mắn.

(3) *Chàng Lưu* : tức là Lưu Thần (劉 晨). Lưu Thần ngày xưa vào núi Thiên-thai hái thuốc, gặp được nàng tiên kết làm vợ chồng.

(4) *Thơ Quan-Thư* (關 雎 詩) trong kinh Thi (詩) có câu : Yêu điệu thực-nữ, cầm sắt hữu chi (窈 窕 淑 女 琴 瑟 友 之) người thực-nữ dịu-dàng, như tiếng đàn cầm đàn sắt hòa nhịp với nhau.

(5) Cũng trong thơ Quan-Thư trong kinh Thi có câu : Yêu điệu thực nữ, chung cồ nhạo chi (窈 窕 淑 女 鐘 鼓 樂 之) : người thực-nữ dịu-dàng, vui như tiếng chuông tiếng trống.

(6) *Tăng-Đô* : một người thợ vẽ giỏi có tiếng đời xưa.

110.— Một rằng thế-thế, hai rằng sinh-sinh (1).

Đá kia tạc lấy lời minh (2),

Vàng kia thếp lấy chữ tình mà treo.

Xét nàng nết đủ mọi điều,

Đã niêm hiếu-thảo, lại chiêu đoan-trang. (3)

Ở trên hiếu-thuận song đường (4),

Lòng quý (5) dám trề, tay khương nào rời (6).

Câu thơ liễu-như (7) ngâm chơi,

Dấu tài nàng Tạ (8) đã xoi cho tày.

(1) *Thế thế* (世世) : đời đời, ngày xưa vua Minh-hoàng nhà Đường thề với Dương Quý-Phi có câu rằng : « thế thế vi phu phụ (世世爲夫婦) : đời này đời khác làm vợ chồng với nhau.

Sinh sinh (生生) : kiếp này kiếp khác.

(2) *Minh* (銘) : những chữ khắc vào đá (bia).

(3) *Đoan-trang* (端莊) : đứng-dẫn, nghiêm-trang.

(4) *Song đường* (雙堂) : hai bố mẹ chồng.

(5) *Quý* (葵) : một thứ hoa hể nở ra là hướng về mặt trời. người ta thường dùng để ví kẻ dưới phục tùng người trên, hay là vợ theo chồng.

(6) *Khương* (莛) : củ gừng, theo sách tướng : người đàn-bà con-gái nào tay giống như củ gừng, thì việc nữ-công khéo. Câu này ý nói là Thị Kính lúc nào cũng chiêu chồng và chăm may-vá làm nghề nữ-công.

(7) *Liễu-như* (柳絮) : tơ liễu.

(8) *Nàng Tạ* tức là nàng *Tạ-đạo-Uần* (謝道韞), nàng có tiếng là hay thơ. Bài thơ vịnh tuyết của nàng có câu : Liễu như nhân phong khởi (柳絮因風起) : tơ liễu gặp gió bay lên, ai cũng cho là hay, vì thí-dụ đúng lắm.

QUAN-ÂM THỊ-KÍNH

Khuyên chàng kinh-sử đêm ngày (1),
120.— Thang mây mong nhắc chân giầy cho cao.(2)
Nghĩ gia hai chữ thơ Đào, (3)
Nhận ra trăm vết, vết nào còn chề.

THỊ KÍNH BỊ NGHỊ OAN LÀ GIẾT CHỒNG :

Hôm mai trong chốn thâm khuê (4),
Kẻ đường kim-chỉ, người nghề bút-nghiên.
Canh khuya bạn với sách đèn,
Mỗi lưng chàng mới tựa bên cạnh nàng.
Phải khi liếc mắt trông chàng,
Thấy râu mọc ngược ở ngang dưới cằm.
Vô tâm xui bỗng gia tâm,

(1) *Kinh-sử* (經史) : sách kinh, sách sử. Nói bóng là đèn sách, văn bài.

(2) *Thang mây* : bởi chữ vân-thê (雲梯) : vân là mây, thê là cái thang, vì những người thi đỗ thường gọi là « bẻ cành quế trên cung trăng », cho nên có tiếng thang mây. Câu này nói bóng là muốn cho chồng đỗ đạt to tát. Thơ cò có câu rằng : « hà bất sách cao túc, tiến cứ yếu lộ tân (何不策高足先據要路津) : sao không nhanh chân bước cao, đề chiếm trước lấy phần.

(3) *Thơ Đào* : tức là thơ Đào Yếu (桃矢) trong Kinh Thi (詩) có câu rằng : chi tử vu quy, nghị kỳ gia nhân (之子于歸宜其家人) : người ấy về nhà chồng, hòa thuận với người trong nhà ấy, đáng là người vợ.

(4) *Thâm khuê* (深閨) : chỗ buồng kín, nơi đàn bà con gái ở.

130.— Dao con sẵn đây, mới cầm lên tay.

Vừa giờ sắp tiền (1) cho tày,
Giặt mình chàng đã tỉnh ngay bấy giờ.
Ngán thay sửa dép ruộng dưa, (2)
Dầu ngay cho chết, cũng ngờ rằng gian.
Thất thần (3) nào kịp hỏi-han,
Một lời la-lối rằng toan giết người.
Song thân (4) nghe tiếng rưng rời,
Rằng: « Sao khuya-khoắt mà lời gớm thay ? »
Thừa rằng: « Giấc bướm (5) vừa say,

140.— « Dao con nàng bỗng cầm tay kề gần.

« Hai vai họ có quỷ thần,
« Thực hư đôi lẽ xin phân cho tường. »

THỊ KÍNH BÀY - TỔ NÔI OAN:

Nàng vàng thừa hết mọi đường,
Rằng: « Từ gáy khúc loan-hoàng đến nay. (6)

(1) *Tiền* (剪) : cắt.

(2) *Sửa dép ruộng dưa* : bởi câu : qua điền bất khả
nộp lý (瓜田不可納履) qua ruộng dưa không nên cúi
xuống mà sửa giày, sửa dép, sợ người ta ngờ là mình ăn
cắp dưa. Ý nói là đề người ta ngờ vực mình, tuy rằng mình
không có bụng gian.

(3) *Thất thần* : (失神) : sợ mất cả tinh-thần, hồn-
vía.

(4) *Song thân* : (雙親) : hai cha mẹ.

(5) *Giấc bướm* : bởi chữ « Điệp-mộng » (蝶夢).
Ngày xưa Trang Chu nằm mê hóa ra con bướm bướm, sau
người ta dùng tiếng « giấc điệp » hay « giấc bướm » để
nói bóng giấc ngủ.

(6) *Khúc loan-hoàng* tức là loan-hoàng khúc (鸞鳳
曲) : khúc đàn cầu hôn của Tư-mã Tương Như. Đây ý nói
là từ khi vợ chồng lấy nhau đến giờ.

QUAN-ÂM THỊ-KÍNH

 Ấn kia nằng để ngang mày (1),
 «Sạch-trong một tiết, thảo-ngay một bề.
 «Bởi chàng đèn sách mỗi-mê,
 «Gối Ôn-Công (2) thừa giấc hòe thiu thiu (3),
 «Thấy râu mọc chứt chẳng đều,
150.— «Cầm dao tiến (4) để một chiều như nhau.
 «Há rằng có phụ tình đâu,
 «Muôn trông xét đến tình dầu kéo oan.

(1) Câu này do câu « cử án tề my » (舉案齊眉) : bưng mâm cơm cao ngang đến tận lông mày. Ngày xưa nàng Mạnh Quang là vợ Lương Hồng, mỗi khi bưng mâm cơm lên cho chồng ăn, bưng cao ngang lông mày, có ý kính trọng chồng như thế.

(2) Gối Ôn-công : Ông Tư Mã Quang (司馬光) hiệu là Ôn-Công (溫公), người đời Tống (宋), thừa nhỏ chăm học, đêm đọc sách thường tựa vào cái gối tròn, đề khi buồn ngủ thì cái gối lăn đi, lại tỉnh dậy, sau đỗ tiến-sĩ làm quan đến Tề-tướng.

(3) Giấc hòe tức là « Hoè-an mộng » (槐安夢) Ngày xưa Thuần vu Phần (淳于棼) nhân ngày sinh-nhật uống rượu say, nằm ngủ bên cạnh cây hòe, ngủ mơ thấy mình lấy công-chúa nước Hoè-an, được bổ làm quan Thái-thú quận Nam-kha, sinh 5 con trai. Sau đi đánh giấc bị thua trận, bị cách chức, công-chúa cũng mất, đến lúc tỉnh dậy thấy người nhà còn đứng dọn-dẹp mà trời cũng chưa tối. Nhìn xuống gốc cây hòe thấy có đàn kiến đương lũ-lược ra vào, thì ra cây hòe tức là nước Hoè-an, cảnh hòe chia về hướng nam, tức là quận Nam-kha, vì chữ « kha » là cảnh. Sao người ta gọi giấc ngủ là giấc hòe, hay giấc nam-kha cũng thế.

QUAN-ÂM THỊ-KÍNH

« Thác đi phỏng lại sinh hoàn (1),
« Thi đem lá phổi buồng gan giải-bày ».

NHÀ CHỒNG CÓ
Ý NGỜ THỊ-KÍNH
CÓ NGOẠI TÌNH

Cô, công (2) rằng : « Bảo cho hay,
« Trộm hương, cắp phẩn (3) cũng đầy chan-
chan.

« Mấy người một ngựa một an (4),
« Nay Trương, mai Lý (5) thế-gian hiểm gì ?
« Ấy may mà tỉnh ngay đi,

(1) *Sinh hoàn* (生還) : sống lại.

(2) *Công* (公) : bố chồng ; *Cô* (姑) : mẹ chồng.

(3) *Trộm hương* : bởi chữ « thấu hương » (偷香) :
ăn cắp hương.

Ngày xưa Hàn Thọ (韓壽) đời Tấn (晉) đẹp trai, làm thư-ký cho Giả Xung (賈充) là Tề-tướng nhà Tấn, con-gái Giả Xung phải lòng, ăn trộm thứ hương thơm, là thứ hương thơm quý của các nước đem đến cống-hiến mà vua Tấn ban cho Giả Xung để cho Hàn Thọ, Xung sợ xấu-hò, phải gả con-gái cho Hàn Thọ.

(4) Bởi câu « nhất mã nhất an (一馬一鞍) : một ngựa một yên, nói bóng là đàn-bà con-gái chính-chuyên chỉ có một chồng như ngựa chỉ có một cái yên thôi. Đây nói là : ít người được chính chuyên.

(5) *Trương* (張) : họ Trương, *Lý* (李) họ Lý, Ý nói: nay chồng này, mai chồng khác.

160. — «Đỉnh-dinh-dinh (1) nữa có khi còn đòi.

«Sự này chờ lấy làm chơi»,

Sai người tức khắc đến mời Mãng-Ông.

Trách rằng: « Sự mới lạ lòng,

« Sinh con ai dễ sinh lòng ấy đâu ?

« Sắt cầm bông dỏ-dang nhau,

« Say dâu với đũa trong dâu (2) hện-hò.

« Sông kia còn có kẻ dò,

« Lòng người ai dễ mà đo cho cùng.

« Sự này mười mắt (3) đều trông,

170. — « Thôi đừng tra-hỏi, gạn-gùng nữa chi.

« Nghe anh nào có bụng gì,

« Đem về dạy-dỗ sau thì mặc anh. »

Lặng nghe kẻ hết sự tình,

Ngậm-ngùi nghĩ đến con mình mà thương.

Nỗi kia, đoạn nợ ngồn-ngang,

Tủi thân khôn dậu hai hàng mưa sa.

Thưa rằng : « Trong nghĩa thông-gia (4),

« Ôn lòng chiếu-cổ thực là hậu thay.

« Hiếm-hoi mới một chút này,

180. — « Được nương cửa ấy, đã may bội phần.

(1) Một tý nữa, một chút đỉnh.

(2) Bởi câu trong kinh Thi : kỳ ngã hồ tang trung (期我乎桑中) : hện ta đến trong bãi dâu. Nơi trai gái hện-hò nhau.

(3) Bởi câu « thập mục sở thị (十目所視) : mười mắt trông thấy cả mười. Ý nói đích-xác lắm.

(4) Thông gia (家通) : hai bên gả con nhau làm dâu làm rê, gọi là kết nghĩa thông-gia. Cũng có nghĩa là thông hiếu (通好) nữa, chỗ tình-nghĩa với nhau.

QUAN-ÂM THỊ-KÍNH

« Nguyễn xưa mong vẹn Tấn Tần (1),
« Hai non ngảnh lại cho gần cả hai.

« Nào ngờ trẻ mỗ nghe ai,
« Thả chông đường nghĩa, rắc gai lối tình.

« Phù-dung nữ để lia cảnh,
« Giếng thoi nữ để rơi mình từ đây (2).

« Nước trong bát, đã rời tay,
« Có còn bốc lại cho đầy được chẳng ? (3)

190.— « Mưa tan mây cuốn nửa chừng,
« Rộng dung dạy thế, xin vâng lĩnh về.

« Lòn-bon chịu ép một bề, (4)
« Quản làm sao được kẻ chê người cười ».

Gọi con đến trước lạy người (5),
Lạy lương-nhân (6) đã, sẽ rời chân ra.

THỊ KÍNH TỪ GIÃ NHÀ CHỒNG VỀ NHÀ CHA MẸ ĐỂ :

Lòng nàng xiết nỗi xót-xa,
Má đào ủ-dột, mặt hoa âu-sầu.

(1) *Tấn Tần* (晉秦): hai nước chư-hầu đời Xuân-thu chiến-quốc, đời đời thường kết thông-gia gả con cho nhau.

(2) Ý nói là vợ chồng nửa chừng bỏ nhau.

(3) Bời câu: phúc thủy nan thu (覆水難收): nước đã đổ bốc không được đầy bát như cũ nữa. Ý nói: đã trót làm, không thể cứu-vãn lại được nữa.

(4) *Lòn-bon* là một thứ cá nhỏ, mình đẹp, miệng méo bao giờ cũng chỉ nằm được một bề thôi. Nói bóng là chịu ép không làm sao được,

(5) Chữ «*Người*» đây, là chỉ bố mẹ chồng.

(6) *Lương-nhân* (良人): người chồng, cũng như lương-quân (良君) hay lang-quân (郎君) tiếng của người dân-bà gọi chồng mình.

Đến nơi làm lễ khấu đầu (1),
Lạy công cô (2) đoạn, rồi sau lạy chồng.
N như tuôn giọt lệ rờn rờn,
200.— Nín hơi thồn-thức, giải lòng sau xưa.
Kể từ kim-cải (3) duyên ưa,
Giẫy leo cây bách (4) mong nhờ về sau.
Dù ai phụ-bạc cùng nhau,
Đã thần ba thước (5) trên đầu chứng tri.
Vị đầu phứt hợp, phứt ly,
Kiếp này đã lỡ, chắc gì kiếp sau.
Tiếc công ô-thước bắc cầu, (6)
Chàng Ngưu, ả Chức già nhau từ rày (7).

(1) *Khấu đầu* (叩頭): cúi đầu. tức là lạy.

(2) *Đã giải-nghĩa ở trên.*

(3) *Kim-cải*: Trong sách *Bách-vật-chí* (博物志) có câu rằng: Hồ-phách thập giới, tư thạch dẫn châm (琥珀拾芥磁石引針): Hồ-phách thì hút hạt cải. đá nam-châm thì hút cái kim. vì là theo loại mà cảm ứng với nhau. Người ta thường nói « phận cải duyên kim » tức là duyên-kiếp vợ chồng với nhau.

(4) *Bãi câu chữ Hán ở trong kinh Thi: điều giữ nữ-la, thi vu tưng bách* (莠與艾雜施于松柏): loài mìm mìm giẫy leo, leo tựa vào cây thông cây trắc, ý nói là đàn-bà nương-tựa vào chồng.

(5) *Thần ba thước* do chữ « Tam xích thần (三尺神): tức là thanh gươm. Ý nói: nếu có bụng giết chồng thì đã có thần gươm biết.

(6) và (7) *Do tích Ngưu-lang Chức-nữ* (牛郎織女). Tục truyền: Chức-nữ là cháu gái đức Thượng-đế chăm chỉ dệt vải, Thượng-đế thương tình gả cho Ngưu-lang người chăn trâu của nhà trời. Sau khi lấy chồng, Chức-nữ lười-biếng
(Xem tiếp chú-thích trang 33)

LÚC VỢ CHỒNG
TỪ - GIÃ NHAU :

Ngập-ngừng tới lúc chia tay,
210.— Đồi bèn sùi-sụt, bốn mây châu-chan.
Ai làm cho phượng lìa loan,
Đang tay nở bẻ phím đàn làm đôi.
Lòng chàng nghĩ lại bồi-hồi,
Trước kia còn giận, sau rồi lại thương.
Duyên này mà đã dở-dang,
Còn nên gảy khúc cầu-hoàng (1) nữa sao ?
Lưu-tô (2) sương gió lọt vào,

việc dệt. Thượng-đế giận, bắt vợ chồng phải xa nhau. Chức-nữ ở phía đông sông Ngân-hà, Ngưu-lang ở phía tây sông Ngân-hà. Mỗi năm chỉ được gặp nhau một lần, vào ngày 7 tháng 7 (âm lịch). Nên đệ niên cứ đến ngày ấy, các chim quạ phải đi bắc cầu sông Ngân-hà, làm lối cho vợ chồng Ngưu-lang và Chức-nữ đến với nhau, gọi cầu là ô-thước. Sau người ta dùng điển ấy để chỉ vợ chồng sum-hợp với nhau.

(1) *Khúc cầu-hoàng* tức là *Cầu-hoàng khúc* (求凰曲): khúc đàn của Tư-mã Tương-Như, tức là Trương Khanh, người đời Hán, có tài-hoa. Một hôm đến dự tiệc nhà Trác-vương-Tôn, biết em gái Vương-Tôn là nàng Trác-văn-Quân mới góa chồng, còn trẻ đẹp, lại thích nghe đàn, Tương-Như bèn gảy khúc đàn « Cầu-Hoàng » — chim phượng trống tìm chim phượng mái để trêu-gheo, quả nhiên Trác-văn-Quân phải lòng, cất lên đi theo với Tương-Như. Câu này ý nói là không lấy ai nữa.

(2) *Lưu-tô* (流蘇): là một thứ màn có tua rủ xuống.

QUAN-ÂM THỊ-KÍNH

Đem mâm mà chứa ngọc giao (1) hân đầy.
Phần kia còn dấu bình này,
220.— Hương kia còn dính áo này chưa phai.
Xanh xanh khóm liễu Chương-dài (2),
Tiếc thay đã để tay ai vin cành (3).
Muôn thu viếng chốn Giai-thành (4),
Vẫn còn hai chữ bất bình mang đi.

(1) Ngày xưa cá giao-nhân ở bề lên trên trần-thế, lấy chồng, khi từ biệt với chồng, khóc chảy nước mắt nhỏ xuống thành ra hạt châu cả. Ý nói là nước mắt nhiều quá, có thể lấy mâm mà đựng.

(2) và (3) *Liễu Chương-dài* (柳章臺): cây liễu ở Chương-dài, một con đường hay một phố ở kinh-dô Trường-an bên Tàu. Đời nhà Đường, có văn-sĩ là Hàn Hoàn (韓翃) chung tình với người con gái họ Liễu ở đấy. Sau khi xa cách nhau lâu, Hàn có gửi bài từ (tức khúc hát) rằng Chương-dài liễu, Chương-dài liễu, tích nhật thanh thanh kim tại phủ, tống sử trường điều y cựu thủy, đã ứng phan chiết tha nhân thủ (章臺柳章臺柳昔日青青今在否縱使長條依舊垂也應攀折他人手) hơi hơi cây liễu ở Chương-dài, ngày trước xanh-tươi nay còn không? dù rằng cành dài vẫn còn huông rủ như cũ, chắc thế nào cũng bị tay người khác vin bẻ rồi.

(4) *Giai-thành* (佳城): tức là nơi mộ-địa. Ngày Đãng-công Hạ hầu Anh (夏侯嬰) dời Hán mả, chôn ở ngoài cửa Đông-dô, các quan đi đưa đám rất đông, bỗng thấy ngựa cứ bào dất rồi kêu thét lên không chịu đi, cho đào chỗ đất ấy lên, thấy có một tảng đá có khắc mấy câu rằng: Giai-thành uất uất, tam bách niên kiến bạch nhật, hū tạ Đãng-công cư thử thất (佳城鬱鬱三百年見白日呼嗟滕公居此室): nơi thành tốt đẹp um tùm, ba trăm năm nay mới thấy mặt trời, t'iao ôi, ông Đãng-công chôn ở nơi này. Bèn an-táng Đãng-công vào chỗ ấy.

THỊ KÍNH SAU KHI
VỀ NHÀ CHA MẸ ĐỀ :

Nàng từ dõ (1) bước vu-quy,
Nhân-duyên thôi có nghĩ gì như ai.
Đã oan về chiếc tăng-hải (2),
Mặt nào mà lại đi hai lần dò (3).
Trách người sao nữ dày-vò,
230.— Đề cho Tiểu Ngọc (4) giận no (5) cũng già.
Nhạn hàng phỗng có đôi ba (6),
Thà rằng mình mục (7), hơn là ô danh (8).
Tủi vì phận liễu một cành (9),
Liều đi thi dễ mối tình cây ai (10) ?

(1) *Dõ* : dõ-dang.

(2) *Tăng-hải* (僧鞋) : chiếc giày của nhà sư. Ngày xưa một vị sư hồ-mang, muốn chòng-gheo Chu-thị là người có chồng, bèn lên vào đề đôi giày của mình ở dưới gầm giường Chu-thị, quả nhiên chồng Chu-thị ngờ thị có ngoại-tình với nhà sư, bèn đuổi bỏ Chu-thị. Đây nói bóng là Thiện-Sĩ ở thị Kính có ngoại tình.

(3) Nói bóng là lấy chòng hai lần.

(4) *Tiểu Ngọc* (小玉) một con hát có tiếng đời nhà Đường, chung tình với Lý Ích, sau bị Lý Ích bỏ, Tiểu Ngọc giận lắm, sinh ốm, sau có người bạn đưa Lý Ích đến thăm Tiểu Ngọc thương khóc rồi chết.

(5) Ý nói : giận lắm.

(6) *Nhạn hàng* (雁行) : hàng con chim nhạn, nói bóng là anh em.

(7) *Mình mục* (瞶目) : mờ mắt, ý nói là chết.

(8) *Ô danh* (汚名) : mắc tiếng như-nhuốc.

(9) Ý nói : chỉ có một mình là phận gái.

(10) Ý nói : nếu mình chết đi thì cha mẹ nhờ cậy vào ai.

- Phòng riêng vò-vỗ hôm mai,
Trông ngày đặng-đặng lại dài hơn năm.
Buồng trong giọt ngọc đầm đầm,
Mùi ăn không nhớ, giấc nằm không ngon (1).
Nực cười sự nhỏ con-con,
240.— Bằng lòng mà nẩy nên cồn Thái-sơn (2).
Vẻ chi chút phận hồng-nhan,
Cảnh hoa nở muộn thì tàn mà thôi.
Xót thay tóc bạc da mồi,
Vì ai nên nổi đứng ngồi chẳng khuây.
Dày-vò chút phận thơ-ngây,
Sự vui chưa thấy, thấy ngay sự phiền.
Lấy gì báo đáp xuân, huyên (3),
Dễ đem má phấn mà đền trời xanh.
Có khi dốc chí tu-hành,
250.— Lánh miền trần-tục (4), nương mình Thiền-
môn (5).
Độ tri nhờ đức Thế-Tôn (6),
Dở-dang thừa trước, vương tròn mai sau.

(1) Ý nói : ăn không ngon, ngủ không yên, hay không muốn ăn, không muốn ngủ.

(2) *Thái-sơn* (泰山) một quả núi rất cao, thuộc địa-phận tỉnh Sơn-tây bên Tàu. Ý nói : việc nhỏ mà hóa ra to.

(3) *Thung* (椿) : cây thông. tức là cha. *Huyên* (萱) : cỏ huyên, tức là mẹ. Người ta thường dùng chữ « thung, huyên » để nói bóng là cha mẹ.

(4) *Trần-tục* (塵俗) : cõi trần.

(5) *Thiền-môn* (禪門) : nhà chùa, cửa chùa.

(6) *Thế-Tôn* (世宗) : Đức Phật Thế-Tôn, một trong 10 hiện Phật.

QUAN-ÂM THỊ-KÍNH

Nghiêm, từ (1) hưởng phúc về lâu,
Họa đền nghĩa nặng ơn sâu cho bằng.
Thượng-thừa (2) là phật là tăng,
Xích-thăng (3) đã ủ, kim-thăng (4) hẩn giai.

Chín c thừa gửi rõ bài,
Thương con hẩn chẳng nỡ hoài cho đi.

Thôi thì xuất cáo (5) làm chi,
260,— Thân này còn quản thị-phi (6) được nào !
Bàn thăm mọi lẽ thấp cao,
Ba mươi sáu chước (7) chước nào là trên ?

(1) *Nghiêm* (嚴): cha, *Từ* (慈): mẹ. Người ta thường dùng chữ nghiêm để chỉ về cha, như là nghiêm-phụ, nghiêm-duơng. Chữ từ chỉ về mẹ, như là từ-mẫu, từ-vi.

(2) *Thượng-thừa* (上乘): bậc cao hơn hết. Tiếng nhà Phật trong kinh Bảo-Tích (寶積) có nói rằng: Chư Phật như-lai, chính chân chính giác, sở hành chi đạo, danh vi thượng-thừa (諸佛如來正直正覺所行之道名為上乘) cái đạo ngay thẳng, hiểu biết chính thực của chư Phật vẫn làm xưa nay, gọi là thượng-thừa. Đây nói: chỉ có đức Phật mới xét thấu sự ngay gian.

(3) *Xích-thăng* (赤繩) giây đỏ, giây tơ hồng của nguyệt-lão xe duyên vợ chồng (trong chuyện Vi Cổ ngày xưa).

(4) *Kim-thăng* (金繩): giây vàng. Gây của nhà Phật buộc kinh. Câu này nói: không lấy chồng nữa đi tu là hơn.

(5) *Xuất cáo* (出告) do câu « xuất tất cáo, phản tất diện trong kinh Lễ (出必告反必面): khi đi đâu phải nói cho cha mẹ biết, đến lúc về, đến trình-diện cho cha mẹ biết là mình đã về.

(6) *Thị-phi* (是非): sự phải sự trái.

(7) Býi câu « tam thập lục kế, đào vi thượng sách (三十六計逃為上策): trong 36 chước, chỉ có trốn đi là hơn cả.

THỊ KÍNH CẢI-TRANG

TRỐN ĐI Ở CHÙA :

Xuất gia (1) quyết một gan liều,
Phụ tinh, đời nguyệt (2) bước lên dặm đường.
Quần chân áo chít dịu-dàng,
Giả hình nam-tử (3) ai tường căn-nguyên.
Song đường thấy sự ngạc-nhiên,
Ruột tằm bối-rối, thêm phiền-não ra.
Biết đâu dặm thăm đường xa,
270,— Biết đâu giếng cạn, hay là bể sâu (4).
Chốc là phần ấy tuổi đầu,
Đến nay cả lớn, vừa hầu cây-trồng.
Giải kia làm giắt chữ đồng,
Tủi duyên ấy, để nở lòng sâm-thương (5).
Hay là bức tuyết buồn sương,
Như ai, khoét vách, trèo tường, chớ chơi (6).

(1) *Xuất gia* (出家) : ra khỏi nhà, tức là đi tu.

(2) *Phụ tinh* (負星) : đội sao, *Đời nguyệt* (載月) đội trăng. Ý nói là đi tự lúc khuya, hãy còn trăng sao.

(3) *Giả hình nam-tử* (假形男子) : ăn-mặc giả trai.

(4) Ý nói : tường là đầm đầu xuống nước chết rồi.

(5) *Sâm Thương* (參商) : tên hai vị sao, tức là sao hôm và sao mai, không bao giờ gặp nhau, vì có câu thơ cổ rằng : Nhân sinh bất tương kiến, động như參與商 (人生不相見, 動如參與商) : người ta không được trông thấy nhau bao giờ, cũng như sao sâm và sao thương. Sâm là sao mai, thương là sao hôm.

(6) *Bối cầu* « tuyết huyết khích tương khuy, du tường tương tòng (鉅穴隙相窺踰墻相從) : khoét tường vách để dòm nhau, trèo qua tường để theo nhau, ý nói : đám trai gái tự-do hôn thú, không có mệnh-lệnh của cha mẹ.

Vậy thì sao chẳng một lời,
Biết mà gả phắt cho đời là xong.

Đá vàng nghe cũng bèn lòng,
280.— Lẽ nào trống thủng bỗng long đến điều (1).

Vi đâu gió quở mưa trêu,
Đề nguồn trời-nổi, cho bèo mệnh-mông.

Mắt loà, chân chậm, răng long,
Đề như Lữ Ngọc (2) hết công tìm-tòi.

Biết bao nước mắt bờ-hôi,
Cây đồng được mấy mươi chồi cho cam ? (3)

Bây giờ đời ngả bắc nam,
Biết còn quanh-quẩn cõi phạm hay không ?

Nghìn năm nghiêng lở Non Đồng (4),
290.— Biết còn ứng tiếng Lạc-chung (5) đó là?

(1) Ý nói : chắc chả có lẽ lại hư-hỏng đến thế.

(2) Lữ Ngọc có con gái là Tiều-Hồng di chơi bị lạc,
tìm mãi mấy năm mới thấy.

(3) Ý nói : nào có nhiều con cho cam,

(4) và (5) Non đồng : tức là Đồng-sơn (銅山). Lạc chung (洛鐘), tức là cái chuông ở đất Lạc-dương. Đời vua Vũ-đế nhà Hán bên Tàu, cái chuông đồng ở điện Vy-Uơng tự-nhiên không ai gõ mà kêu vang lên, suốt 3 đêm 3 ngày không dứt ; vua Vũ-đế hỏi Đông phương Sóc vì có sao thế. Sóc thưa rằng : đồng là con mà núi đồng là mẹ, tình mẹ con hay cảm-ứng nhau, nay chuông đồng tự-nhiên kêu vang, tại chắc là núi đồng bị lở. Ba hôm sau, Thái-thú Nam-quận báo tin rằng : dãy núi đồng bị lở hơn 20 dặm. Vì thế nên có câu : Đồng-sơn tây khuynh, Lạc-chung đông ứng (銅山西傾洛鐘東應) : núi đồng ở phía tây bị lở, mà chuông ở Lạc-dương về bên đông cảm ứng mà kêu vang lên. Ý nói : tình cảm của con-cái với cha mẹ, lấy khí-loại mà cảm-ứng nhau.

QUAN-ÂM THỊ-KÍNH

Thương thay lự-khụ tuổi già,
Để năm canh nguyệt, quốc ba tháng hè (1).

THỊ KÍNH XIN VÀO TU TẠI CHÙA VĂN-TỰ :

Nàng từ xa chốn hương-khuê (2),
Nỗi nhà man-mác mọi bề mà lo.
Cũng toan gỡ mối tơ vò,
Thành sầu cao ngất phá cho tan-tành (3).
Trưởng ơn trời bể mông-mênh,
Để mà đền được ân-tình ấy đâu ?
Tà tà bóng ngả cành dâu (4),
300.— Sớm khuya dưới gối ai hầu-hạ thay?
Vắng người khuất mặt lúc này,
Lòng người thiếu-não biết ngày nào nguôi ?
Nghĩ điều mưa nắng xa-xôi,
Cảm thương đòi-đoạn, bồi-hồi chừng nao !
Chân trời đất khách đã lâu,
Chiêm bao lần-thần ở đâu quê nhà.
Hỏi thăm dặm liễu dần-dà,

(1) *Than khóc không ngời*, như để kêu 5 canh, quốc kêu 3 tháng hè.

(2) *Hương-khuê* (香閨) : chỗ buồng đàn-bà con-gái ở.

(3) *Ý nói* : không muốn nghĩ đến chuyện gia-đình nữa.

(4) Bồi chữ *Tang du* (桑榆) : khi mặt trời sắp lặn, bóng nắng còn sót lại ở trên cành cây dâu. Ý nói cảnh già sắp chết.

Ngò dàu Văn-Tự (1) chẳng là ở đây.

Bồn bề phong-cảnh lạ thay,

310.— Bồng-lai (2) khi cũng thế này mà thôi.

Cửa Thiền sẽ lên chân coi,

Trông lên sư-phụ (3) vừa ngồi tụng kinh.

Mưa hoa (4) rẩy khắp bên mình,

Nhấp-nhò đá cũng xếp quanh gập đầu (5).

Mới hay đạo Phật rất màu,

Nghĩ đây cũng dễ đổi sầu làm vui.

Chờ khi kinh-giáo vừa rồi (6),

Lạy sư-phụ, bạch khúc-nôi tỏ tường.

Trình-bày tên họ gia-hương,

320.— Nhà xưa theo dấu văn-chương cũng là.

Chán vùng danh-lợi phồn-hoa,

Chắp tay xin đến Thiền-già quy y (7).

(1) Văn-Tự (文寺) : tên một ngôi chùa.

(2) Bồng-lai (蓬萊) : núi ở giữa bề, chỗ các tiên ở, cảnh tiên.

(3) Sư-phụ (師父) : tiếng nhà chùa gọi tôn các bậc sư-tăng tuổi già.

(4) Mưa hoa : Một vị sư đắc đạo đời nhà Đường, tên là Trĩ-Nghiêm, ngồi tụng kinh, trời mưa hoa xuống xung quanh chỗ ngồi.

(5) Một vị cao tăng đời nhà Lương, tên là Trúc-đạo-sinh (竺道生) giảng sinh ở chùa Hồ-Khâu, thuyết đạo không ai chịu tin, bèn xếp đá làm các thính-giả, rồi hỏi cá: lẽ mình đã thuyết ra, có phải hay không, thấy đá đều gập đầu cả.

(6) Kinh-giáo (經教) : các điều dạy-bảo trong kinh Phật.

(7) Thiền-già (禪家) : nhà chùa, hay cửa Phật.

Sư rằng : « Này đạo từ-bi (1),
« Rộng đường phổ-độ (2), hẹp gì trần-duyên (3).
« Nhưng sao đương độ thiếu-niên (4),
« Nhìn xem phong-thê cũng nên con người.
« Cớ chi nhà lối xa khơi,
« Đem mình dài-các (5), vào nơi lâm-tuyền (6).
« Hay là tội phạm hôn duyên,
330.— « Hay là đeo lụy mang phiền chi chẳng?
« Chử e vườn Sở lạc chừng (7),
« Bận lòng đến cả cây rừng, chưa minh (8)? »
Thưa rằng : « trẻ mỗ thư-sinh (9),
« Làm chi cho được lụy mình, chớ e !

(1) *Từ-bi* (慈悲) : hiền-lành, thương-xót, tiếng nhà Phật. Ý nói : đức Phật nhân-từ thương-xót hết thảy các chúng-sinh. Từ-bi bác-á là khẩu-hiệu của nhà Phật.

(2) *Phổ-độ* (普度) : tế-độ khắp cả mọi người.

(3) *Trần-duyên* (塵緣) : duyên-kiếp ở trần-gian.

(4) *Thiếu-niên* (少年) : tuổi trẻ.

(5) *Đài-các* : (臺閣) : đèn-dài lầu-các, ý nói là người sang-trọng lịch-sự, con nhà dòng dõi.

(6) *Lâm-tuyền* (林泉) : Rừng suối. Ý nói : nơi tu hành ăn-dật.

(7) và (8) Ngày xưa vua nước Sở (楚) có con vườn rất quý, đánh sông ra chạy vào rừng, tìm mãi không thấy, bèn hạ lệnh đốt rừng, đề cho con vườn phải chạy ra. Ý nói là bị vạ lây. Bờ câu chữ Hán : « Sở quốc vong viên, họa duyên lâm mộc (楚國亡猿, 禍緣林木) : nước Sở mất con vườn, vạ lây đến cây cối ở trong rừng bị chết cháy.

(9) *Thư-sinh* (書生) : học trò.

QUAN-ÂM THỊ-KÍNH

«Nền nhân nhờ bóng sân hòe (1),
«Cũng may tới cửa ngựa xe với người.
«Đoài trông thế-sự nực cười,
Nhu đem trò rối mà chơi khác gì.

« Phù-vân một đoá bay đi (2),
340.— « Khi thì áo trắng, khi thì muông đen (3).
« Chặt đường chen-chúc như nen,
« Càn-đai nhan-nhân người quen với mình.
« Chẳng thềm ra áng (4) công-khanh,
« Mà đem thân-thể làm hình dịch (5) chi.
« Cho nên mẩn cảnh trụ-tri (6),
« Dám xin nhờ bóng tăng-huy (7) xét lòng. »
Sư khen rằng : kẻ nho-phong (8),

(1) Bối chữ « Hòe-đình (槐庭). Ngày xưa Vương Hựu (王祐) đời Tống, trồng 3 cây hòe ở sân, sau con làm nên đến chức tam-công (三公), sau người ta mượn chữ « sân hòe » nói bóng là những nhà có con được hiển-đạt. Câu sân hòe này, Thị-Kính thác ra đề nói với nhà sư, tự nhận mình là người con trai.

(2) Phù-vân (浮雲) : đám mây bay ở trên trời.

(3) Áo trắng, muông đen : bối câu « Bạch vân thương cầu (白雲蒼狗) : mây trắng thành ra con chó đen, Ý nói là thay đổi nhanh chóng lắm.

(4) Áng : đám.

(5) Bối câu « dĩ thân vi hình dịch (以身爲形役) : đem cái thân làm nô-lệ cho cái hình-thể của mình cho khổ thân.

(6) Trụ-tri (住持) tiếng nhà chùa, nghĩa là đi tu ở một cảnh nào.

(7) Tăng huy : ? còn khuyết nghi, chưa rõ nghĩa.

(8) Nho-phong (儒風) : lối nhà nho, nhà học-trò.

QUAN-ÂM THỊ-KÍNH

Đã say đến chữ sắc, không (1) đấy mà !
Kia bào (2), kia ảnh (3) phút qua,
350.— Kia sương, kia chớp, kia là chiêm-bao (4).
Lọ là tranh tri thấp cao,
Kẻ xem khoái chí, người gào thất thanh (5).
« Lấy ai làm nhục làm vinh,
« Trăm năm là nắm cỏ xanh rì rì (6).
« Sào bằng vui thú liên-tri (7),
« Dứt không tứ tướng (8), sá gì nhị biên (9),

(1) *Sắc, không* (色 空) : sắc là có sắc có hình, không là không có gì cả. Chữ nhà chùa.

(2) - (3) và (4) : *Bào* (泡) : bọt nước. *Ảnh* (影) : bóng. Ý nói : chỉ chốc lát, chẳng được bao lâu. *Sương, chớp* và *chiêm-bao* đều là biến huyễn vô thường, do câu kệ trong kinh Kim-cương : hết thấy mọi vật đều biến huyễn vô thường, như là bọt nước, như cái bóng đi qua, như sương buổi sớm mai, như chớp nhoáng, như giấc chiêm bao vậy.

(5) *Khoái chí* (快 志) : thích chí. *Thất thanh* (失 聲) : mất tiếng, hết hơi. Ý nói : kẻ thắng thì vui thú thích chí, kẻ bại thì khờ-sở kêu-gào.

(6) *Bỏ chữ* « mãn nhãn bằng cao thồ nhất khâu (滿 眼 蓬蒿土一邱) : đầy mắt những cỏ mọc xanh trên một nắm đất. Ý nói : khi chết rồi, chôn xuống đất, mỗi người một nắm, cỏ mọc xanh rì giống nhau cả, chẳng ai khác ai, sang hèn cũng vậy.

(7) *Liên-tri* (蓮 池) : ao sen. Chữ nhà chùa : người tu đạo Phật khi chết đi, hồn sẽ về trong ao sen ở nơi cực-lạc.

(8) *Tứ tướng* (四 相) : bốn hình tướng : một là tướng ngã, hai là tướng nhân, ba là tướng chúng-sinh, bốn là tướng thọ-giả (xin xem trong kinh Kim-cương sẽ rõ).

(9) *Nhị biên* (二 邊) hai bên tức là sinh và tử.

Đạo này huyền thực là huyền,
« Hư-vô mà vẫn trang-nghiêm thế này.

THỊ KÍNH ĐƯỢC ĐỔI
TÊN LÀ KÍNH - TÂM
LÀM TIÊU NHÀ CHÙA :

« Tiêu đã mền đạo đến đây,
360. — « Kính-Tâm tên đặt từ nay gọi thường. »
Vàng lời nương cảnh thượng phương (1),
Khêu đèn bát-nhã, gióng chuông tam-huyền (2).
Chân-kính ghi chữ tâm truyền (3),
Trực tòa Long-nhiều (4), vui miền Hồ-khê (5).
Đòi con tướng nổi hương-khuê (6),
Người đi nghìn dặm, bóng về năm canh.
Sự mình, mình giận với mình,
Nặng tình cũng phải nén tình làm khuây.

(1) *Thượng phương* (上方) cảnh chùa.

(2) *Bát-nhã* (般若), tiếng nhà chùa. *Tam-huyền* (三玄) tiếng nhà chùa.

(3) *Tâm truyền* (心傳) truyền-thụ do trong bụng mà lĩnh thụ cũng do trong bụng, vì đạo mẫu-nh-ệ-m, không thể lấy lời-lẽ mà truyền được.

(4) *Long-nhiều* (龍統) : rồng cuốn, tức tòa cửu-long. Khi đức Phật-tổ Thích-ca giảng sinh, có 9 con rồng xuống tắm cho Ngài, nên bây giờ tượng Phật Thích-ca, có hình 9 con rồng cuốn chung quanh là vì thế.

(5) *Hồ-khê* 虎 (溪) : tại một khe núi, chỗ Đạo Viễn tu hành ngày xưa.

(6) *Hương-khuê* (香閨); chỗ buồng đàn-bà con-gái ở.

QUAN-ÂM THỊ-KÍNH

Thanh gương trí-tuệ (1) mài dầy,
370.— Bao nhiêu khỗ-não cắt ngay cho rời (2).
Hương xông pháp-giới ngùi-ngùi,
Thông rung trống kệ, trúc hồi mõ kinh (3).
Có người cảnh lại càng thanh,
Bồn không cũng nảy ra cảnh liên-hoa (4).
Đã lồng ba tấm cà-sa (5),
Nhưng người tiên vẫn trông ra khác phàm (6).
Dập-diu trước chốn thiền-am (7),
Kẻ hoài xuân (8) những muốn làm ni-cô.

(1) Trí khôn sáng-suốt. Lấy trí-khôn sáng-suốt của mình làm thanh gương.

(2) Lấy gương trí-tuệ của mình mà cắt đứt khỗ não đi.

(3) Khi mình đọc kệ, thì gió thổi cây thông, tiếng reo của thông nghe như tiếng trống. Khi mình tụng kinh, thì gió rung cây trúc, tiếng lác cắc nghe như tiếng mõ vậy.

(4) Liên-hoa (蓮花) : hoa. Ý nói. có Tiều Kính-Tâm ở chùa, thì cảnh càng đẹp-đẽ vui-vẻ, như là chậu không mà nảy ra hoa sen.

(5) Cà-sa (袈裟) : Áo lễ-phục của nhà chùa. 3 tấm cà sa : Một là tấm An-Đà Hội, hai là tấm Uất Đà La Tăng, ba là tấm Tăng-dà-Lê. Ba tấm áo này, chỉ người nào đắc đạo, thụ được nhiều giới luật, mới được mặc. Đây nói: Tiều Kính-Tâm tu đã đắc đạo lắm.

(6) Ý nói : trông Tiều Kính-Tâm vẫn có vẻ đẹp.

(7) Thiền-am (禪庵) : chùa.

(8) Hoài xuân (懷春) : người có thói đa tình, ham đường nguyệt hoa. Bối chữ : hữu nữ hoài xuân (有女懷春) trong kinh Thi, là người con-gái ham thích xuân tình.

Ni-cô (尼姑) : sư-nữ. Câu này ý nói : người con-gái nào có tình lãng-lơ, trông thấy Tiều Kính-Tâm, cũng phải lòng, muốn xin vào làm sư-nữ tu ở chùa ấy.

QUAN-ÂM THỊ-KÍNH

Ngõ chàng Phan Nhạc (1) đẩy ru,
380.— Ra đâu cũng ném quả cho tiếc gì (2).

THỊ MẦU PHẢI LÒNG

TIÊU KÍNH - TÂM

Trời sinh tư-sắc làm chi,
Hoa thơm bướm cũng có khi bợn lòng.
Trong làng có một phú-ông (3),
Gia-tư độ với Thạch Sùng (4) kém đâu.
Tiêu-thư ở chốn hồng-lâu (5),
Tuổi vừa đôi tám Thị-Mầu là tên.
Lá hồng (6) đặt xuống nâng lên,

(1) *Phan Nhạc* (潘岳) Chàng Phan Nhạc đẹp trai, đã chú-thích ở trên rồi.

(2) Chàng Phan Nhạc đẹp trai, đi đến đâu con gái cũng phải lòng, thường lấy những quả ngon ném cho, đề trêu ghẹo (đã chú-thích ở trên).

(3) *Phú-ông* (富翁) ông nhà giàu.

(4) *Thạch Sùng* (石崇) : tên một nhà giàu đời Tấn, nhà giàu phú gia địch quốc.

(5) *Hồng-lâu* (紅樓) : lầu đỏ. Chỗ các con-gái nhà giàu-sang cao-quý ở.

(6) *Lá hồng* : bởi chữ « hồng điệp (紅葉) : lá thắm, lá hồng. Ngày xưa Vu Hựu (丁祐) đời nhà Đường (唐) nhặt được chiếc lá đỏ ở giòng nước trong cung trôi ra, trên có đề một bài thơ, do người cung-nữ làm ra. Vu Hựu họa lại một bài khác, viết vào cái lá khác rồi đem thả ở giòng nước trên, đề trôi vào trong cung, người cung-nữ ấy nhặt được. Sau Vu Hựu lấy được người cung-nữ ấy.

(Xem tiếp chú-thích trang 48)

Mỗi duyên do-dẫn chưa nên mỗi gì.

Nào rằng giữ nét khuê-vi (1),

390.— Ngày rằm mong một cũng đi cùng dàng (2).

Nhác trông thấy tiều diu-dàng,

Sóng thu xui-khiến cho nàng khát-khao (3).

Người dàu có dáng thanh-tao,

Bóng trắng dưới nước, vẽ sao trên trời (4).

Đáp thưa chưa kịp hết lời,

Mới giàn mặt, thoát đã rời chân đi.

Khẩn sao đức Phật độ-trì,

Xui ra, họa có chước gì được thân.

Như không phải kiếp Châu Trần (5).

400.— Thì xin một trận phong-vân (6) cũng nhờ.

Vu Hựu làm bài thơ rằng : « Kim nhật kết thành loan phượng hữu, phương tri hồng-diệp thị lương môi (今日結成鸞鳳友方知紅葉是良媒) : bây giờ được lấy nhau làm vợ-chồng, thế mới biết chiếc lá đỏ nhất được ngày trước là bà mối.

(1) *Khue-vi* (閨幃) : chỗ buồng the. Ý nói không chịu chuyên chốn buồng the.

(2) *Cúng dàng* (供養) : dâng lễ cúng Phật, tiếng nhà chùa.

(3) *Sóng thu* : bởi chữ « thu ba » (秋波) : sóng thu nói bóng là con mắt. Câu này ý nói : Thị-Mầu liếc trông thấy tiều Kính-Tâm đẹp, thì khao-khát muốn bắt nhân tình.

(4) Câu này ý nói là tiều Kính-Tâm đẹp lắm, như bóng trắng ở dưới nước, như ngôi sao ở trên trời.

(5) *Châu Trần* (朱陳) : Họ Châu và Họ Trần lấy nhau. Ý nói: nếu không có duyên lấy được nhau làm vợ chồng

(6) *Phong-vân* (風雲) : gió mây. Ý nói ; mong được thỏa lòng mây mưa một bận cũng hả lòng.

QUAN-ÂM THỊ-KÍNH

Lạ thay tiểu vẫn hững-hờ,
Mấy phen thời cũng thờ-ơ với mình.
Hoa kia nói, hắt nghiêng thành (1),
Chào hoa, hoa lại vô tình mới căm.

Tri-âm chẳng gặp tri-âm,
Để ai mong đứng mong nằm, sầu riêng.

Trách ông Nguyệt-lão nào thiêng,
Có khi bèn Thích (2) cũng kiêng kéo là !

Đăm-dăm tưởng nguyệt, mơ hoa,
410.— Biết sao khuây-khỏa cho qua cơn sầu.

THỊ-MẦU TƯ-THÔNG

V Ở I Đ Ở A Ở

Trong nhà sẵn đứa thương-đầu (3),
Quyền-nghi (4) một chút dễ hầu ai hay.

Nào ngờ gió thổi mưa bay,
Hạt kia gieo xuống đợi ngày mà sinh (5).

Ba trắng coi đã khác hình (6),
Bữa cơm thì biếng, mùi chanh thì thêm (7).

(1) *Nghiêng thành*: bởi chữ khuynh thành (傾城): sắc đẹp làm cho nghiêng cả thành.

(2) *Thích* (釋): Phật. Ý nói: hẳn là đạo Phật phải kiêng dâm-dục.

(3) *Thương-đầu* (蒼頭): đứa ở trai.

(4) *Quyền-nghi* (權宜) tạm dùng cho xong việc.

(5) Hạt gieo xuống đất đợi ngày nở thành cây, nói bóng là thị Mầu dâm-dục với đứa thương-đầu, đã có thai, đợi ngày mà sinh ra con.

(6) *Ba trắng*: tức là ba tháng. Câu này nói: ba tháng sau, thì thị Mầu đã khác hình, bụng đã to lên. và ố n ghén.

(7) Người đàn-bà ghén, thích ăn của chua, biếng ăn cơm.

PHÚ - ỒNG TRA

HỎI THỊ - MẦU

Song thân ngò, mới hỏi xem,

« Sao con lại mọc ra diêm chẳng hay ?

« Thế mà ai hỏi bấy nay,

420.— « Đói bên tay áo chẳng day bên nào (1).

«Lỡ rồi thôi biết làm sao,

«Chớ con trả mận gieo đào (2) với ai ?

«Dễ mà ăn cáy bùng tai (3),

«Dăng dăng nghe chuyện bên ngoài hồ ngườì(4)

Nàng rằng : « Đâu khéo những lời,

«Ngọc lành ai có đại dòi thế đâu ?

«Cành hoa vẫn giữ còn màu,

Con oanh (5) dẫu hót cho sầu, trối (6) thây !

«Vi dù tính nước lòng mây (7),

430— « Nhà ma nào chịu đến rày chữa đi (8).

(1) Day tay áp tức là bằng lòng. Đây nói là không bằng lòng lấy ai cả.

(2) Bởi câu *Đầu đào báo lý* (投桃報李) trong kinh Thi : chuyện con trai con gái tặng nhau, hẹn-hò với nhau.

(3) Một câu phương ngôn, ý nói không thề dẫu kín được.

(4) Ý nói : bên ngoài người ta nói dăng dăng là thị Mầu chữa hoang, lấy làm xấu-hò lắm.

(5) *Oanh* : (鶯) chim vàng anh.

(6) *Trối thây* : kệ-kệ thây, mặc thây. Câu này ý nói dù con trai có ve-vãn nói khéo đến thế nào cũng mặc kệ.

(7) Ý nói : nếu là người có tính lẳng-lơ.

(8) Ý nói : nếu có chữa thực, thì đã bỏ đi rồi, ai đại gì mà ở nhà đến bây giờ.

QUAN-ÂM THỊ-KÍNH

«Năm xung tháng hạn phải khi,
Hóa ra thế ấy hỏi chi tức mình?»

Dứt lời nghe mõ nguyệt-bình (1),
Rằng đòi con-gái ngoại tình (2) ra tra.

Phú-ông thấy sự xấu-xa,
Trở vào tắc lưỡi, trở ra vật mình.

Rằng : « Con sinh sự, sự sinh,
«Há rằng vạ ở trời xanh gieo vào.

«Một là động địa (3) làm sao,
410—Nước phương-mộc-dục (4) chảy vào chẳng sai,

«Hai là lằm thuốc đông-dải,
«Cải dâm-dương-hoắc (5) thì ai cũng vừa.

«Ba là phải đưa trao bùa,
«Miếng trầu hoan-hỷ nó cho bao giờ (6).

«Vô tình nào có ai ngờ,
«Thế mà ăn-nói ồm-ò như không.

«Khôn mà thừa gửi cho xong,
«Chẳng thì bẻ chuỗi trôi sông chẳng hoà.»

(1) *Nguyệt-bình* (月評) : buổi họp hàng tháng, đề bàn các công-việc trong làng.

(2) *Ngoại tình* (外情) : cò tình-ý với người nào.

(3) *Động địa* (動地) : động về đất các mồ mả.

(4) *Mộc-dục* (本浴) tên một trong 12 thủy-thần. Theo sách địa-lý, thì ngôi mộ nào, hay ngôi dương-cơ nào mà có nước ở phương mộc-dục chảy đến, thì con-gái hay đa-tình và có người chữa hoang (xem sách Địa-lý sẽ hiểu rõ,) vì nói ra đây dài quá).

(5) *dâm-dương-hoắc* (淫羊藿) là một thứ vị thuốc bắc, uống vào hay động tình-dục.

(6) Ý nói : ăn phải miếng trầu có bùa yêu.

VI LÀNG ĐÒI - HỎI,
PHÚ-ÔNG PHẢI DẪN
THỊ MẦU RA ĐÌNH.

- Dắt tay kính dẫn nàng ra,
450— Con mang bụng nặng, cha già theo sau.
Những là chê khó chê giá,
Đến nay con đại dễ hầu ai mang ?
Phú-ông nghe nói hồ-hang,
Nhủ rằng : «Sao đấy liệu đường mà đi.»
Thưa rằng: « Hồ phận nữ-nhi,
«Tam tông vẫn giữ một ly dấm rời (1).
«Dâu khi bãi Hán (2) chơi bời,
«Đố người cường-bạo (3) một đời dấm trêu.
«Điều dâu như dẹt như thêu,
460— «Điều dâu ai khéo đặt điều xấu-xa.
«Có dâu những thói dâm-tà,
«Bởi chung xấu máu hóa ra thế này.
«Thực là vạ gió tai bay,
«Bồng dung gấp lửa bàn tay tội đời.»
Làng rằng: «Nào phải nói chơi,
«Đừng quen dao-là những lời vắt chanh (4).

(1) *Tam tông* (三從) : con-gái khi còn ở nhà, thì theo cha, khi lấy chồng thì theo chồng, khi chồng chết rồi, thì theo ý của con.

(2) Chữ trong kinh Thi : con-gái đứng gần, chơi ở bãi sông Háo, những con trai cường-bạo, không thể chồng-gheo được.

(3) *Cường-bạo* (強暴) : hư-hỏng, bậy bạ, hay hiếp chóc đàn-bà con-gái.

(4) *Vắt chanh* : nói chua.

«Trương kia coi đã hiện hình,
Nhỡn quang như thủy (1) có lành được đâu ?
«Chẳng hay ngày tháng bao lâu,
470—« Má hồng coi đã ra màu xanh xanh.
«Phải ai thì thú thực tình,
«Luật cho đoàn-tụ (2) cũng thành thất-gia (3).
«Không thì một chữ thân qua,
«Chín trâu chưa dễ chuộc ra được nào (4).»
Nghe lời đe-nạt mà nao,
Nghĩ mình đã trót, dễ sao bùng bùng.
Thương-đầu nó đã tẽch xong,
Nói ra thêm xấu, vả không có bằng.
Phép người đã cứ cung xưng,
480—Yêu ai chỉ nấy, may chung được nhờ.
Thưa rằng : «Trước hãy còn sò,
«Cạn sông thì đá sò sò khôn che.
«Xưa nay ở chốn thâm-khuê (5),
«Dù ong hay bướm chưa hề biết ai.
«Phải khi lên chốn thiền-trai (6),

(1) Nhỡn quang như thủy (眼光如水) : mắt sáng quắc, trong mắt hình như có nước. Sách tướng nói : những người con-gái nào mắt sáng quắc, trông như có nước ở trong mắt, là người đa tình.

(2) Đoàn-tụ (團聚) : sum-họp với nhau, được lấy nhau.

(3) Thất-gia (室家) : vợ chồng.

(4) Bởi câu nhất tự đáo công môn, cửu ngư nan thực xuất (一字到公門九牛難贖出) : một chữ hay một tờ giấy đã đưa đến cửa công, dù có chín trâu cũng không chuộc ra được nữa. Ý nói : việc đã đem đến quan, thì không thể lấy tiền mà chạy được nữa.

(5) Thâm khuê (深閨) : Buồng kín.

(6) Thiền-trai (禪齋) : chùa.

«Kính-Tâm tiểu ấy gặp ngoài sau bia.
«Quá yêu trót đã nguyên-thề,
«Nhụy-hoa phỏ mặc bướm kia ra vào.
«Dù nên cầu bắc bến nào,
490— «Nhờ làng ơn ấy đời nào dám quên.»
Rõ ràng chỉ mặt rõ tên,
Truyền đời tiểu đến nhỡn tiền đôi co. (1)

TIÊU KÍNH-TÂM BỊ
LÀNG TRẠ HỎI.

Mảng tin, thầy, tớ đều lo,
Dữ, lành nào biết duyên-do việc gì ?
Vàng lời sư dẫn tiểu đi,
Tay thi lần hạt, miệng thì tụng kinh.
Đến nơi làng hỏi thực tình :
«Tiêu kia đã quyết tu-hành đến đây.
«Sóng thu sao hãy còn lay (2),
500— «Thị Mầu kia đã trình-bày phân minh.
«Nói ngay thì cũng thứ tình,
«Liệu ta chớ có dối quanh nữa đòn! » (3)
Lặng nghe đau-dớn lòng son,
Kiếp tu quả ấy có tròn được chăng ?
Bây giờ cải dạng nam-trang (4),
Nói ra dễ giữ thói hằng được nau!
Thật vàng dầu lửa mà sao,
Đốt than mà thử mấy tao cũng dầu !

(1) *Nhỡn tiền* (眼前) : trước mắt.

(2) Ý nói đã đi tu, sao lại còn giữ thói dâm-tà.

(3) Ý nói : nếu nói dối quanh, sẽ phải đánh đòn.

(4) *Nam-trang* (男装) : ăn-mặc giả trai.

QUAN-ÂM THỊ-KÍNH

- Trước sau nông-nỗ gót đầu,
510— Rằng : « Câu không sắc (1) dễ hầu dám sai.
 «Nhu còn bợn dạ trần-ai,
 «Thì xin có đức Như-Lai (2) trên đầu.»
 Trái tai, làng hỏi Thị-Mầu,
 Cứ thừa một mực trước sau rành-rành.
 Làng rằng: « Thôi chẳng oan tình,
 «Tiểu kia cứ thực mà trình mới xong,
 «Phải suy Phật ấy là lòng (3),
 «Nhu đường gia-thất cũng không cấm nào (4).
 «Thôi đừng dối Phật, dối nhau,
520— « Ăn hoa lợi nước (5), xoi rau qua rào (6).
 «Mộc thiên chẳng đồ được nào,
 «Buồn mình lại quyến đưa vào vui chơi.
 «Giả hình làm tiểu đòi đòi,
 «Dối ai dễ dối được trời kia ru !
 «Liệu ba mươi sáu đường tu,
 «Chẳng thì văn bút, vũ võ dễ chi (7)!

(1) *Không sắc* (空 色) không là không có gì, sắc là có màu sắc, Đạo Phật cho sắc là không mà không tức là sắc.

(2) *Nhu-Lai* (如 來) : hiệu đức Phật.

(3) Býi câu «*Phật tức tâm* (佛 即 心): Phật tức là lòng.

(4) Ý nói : đức Thích-ca cũng có vợ, có con (trước khi xuất gia. Ngài làm thái-tử của Tịnh-Phạm vương, đã có vợ và có con).

(5) *Hoa lợi nước* tức là cá.

(6) *Rau qua rào* tức là gà.

(7) *Văn* thì lấy bút, tức là chữ, đề xử án, vũ thì dùng võ để tra-khảo.

QUAN-ÂM THỊ-KÍNH

TIÊU KÍNH-TÂM BỊ ĐÒN

Nói sao cũng cứ tri tri,
Túi roi vồ nọc tức thì truyền mau.
Làm cho chín khúc cùng đau (1),
530—Đào nhẩn-nhỏ mặt, liễu cau-có mày (2).
Hải-đường gặp trận gió tây,
Lá rơi rải-rắc, hoa bay toi-bời.
Mười phương phật, chín phương trời (3),
Chưa hay đến sự dưới đời oan ru?
Đuốc nào soi thấu lời vu (4),
Bôi nhòa đen trắng, lộn mù phải chẳng?
Càng van, càng buộc khăng-khăng,
Nỡ nào để tiếng thầy Tăng giết người (5).

NHÀ SƯ XIN BẢO-LĨNH CHO TIÊU KÍNH-TÂM

Vóc bồ (6) xem đã toi bời,

(1) Bối chữ « Cửu hồi trường » (九迴腸) chín khúc ruột.

(2) Ý nói Kính-Tâm bị đánh đau.

(3) Trên, dưới, đông, tây, nam, bắc, và đông-nam tây-nam, đông-bắc, tây-bắc: tức là mười phương. Trừ dưới ra còn 9 phương.

(4) Vu (誣) : nói đặt ra, vu oan cho người ta.

(5) Ông Tăng-Tử (曾子) là học trò đức Khổng-Tử ngày xưa. là một bậc đại-hiền, một hôm ông đi rừng kiếm củi, bà mẹ ông ở nhà dệt cửi. thấy có người đến báo rằng ông Tăng-Tử giết chết người, bà mẹ ông cứ dệt cửi như thường, vì chắc là ông không bao giờ có giết người cả. rồi lại thấy có người đến báo lần nữa, bà vẫn yên chí dệt vải, đến lần người báo thứ ba, bà phải bỏ dệt đi tìm con.

(6) Vóc bồ tức là sức người đàn-bà con-gái, vì đàn-bà yếu-ớt như cỏ bồ, nên gọi là vóc bồ.

QUAN-ÂM THỊ-KÍNH

510— Thương thay sư mới cất lời van-lon.

Thưa rằng: «Làm phúc nào hơn,

« Mở lòng Bồ-tát (1), dẹp cơn lôi-đình (2).

« Khoán làng xin nộp phân minh,

« Đại khôn xin hãy thứ tình một phen. »

Một lời đạo-đức nói lên,

Dẫu người độc dữ cũng nên xuôi lòng.

Rắp toan khảo-đả cho cùng,

Nay sư đã lĩnh thì dung cho về.

Bè từ (3) tế-độ cũng ghê,

550— Chẳng thì sa chốn sông mê còn gì (4) ?

Ngửa nhờ giọt nước dương-chi (5),

Dẫu cho đã héo rồi thì lại tươi.

Dần-dà sư mới ngỏ lời,

Rằng : « Con đã mắc tiếng người chê-bai.

« Tam-quan ra ở mái ngoài (6),

« Kéo e miệng thế mĩa-mai đến thầy.

(1) *Bồ-tát* (菩薩) : rộng-rãi khoan-hồng, chữ nhà Phật.

(2) *Lôi-đình* (雷霆) : sấm sét. Nói bóng là cơn giận dữ ra oai.

(3) *Bè từ* : bởi chữ « Từ-hàng » (慈航) : thuyền của nhà Phật cứu-vớt chúng sinh.

(4) *Sông mê* tức là cõi trần-gian. Đây nói : nếu không thì bị đánh đến chết.

(5) *Dương-chi* (楊枝) : cành cây dương-liễu. Phật thường lấy cành cây dương-liễu tắm nước cam-lộ rảy cho chúng-sinh khỏi nổi phiền-não.

(6) *Tam-quan* (三關) : cổng chùa. Cổng chùa xây 3 cửa nên gọi là tam-quan.

QUAN-ÂM THỊ-KÍNH

« Dù con thiệt có chuyện này (1),
« Lòng trần dữ sạch, từ nay thì chừa.
« Như không, mà phải tiếng ngò,
560— « Cũng nên khuyên gương làm ngò kéo
buồn ».

NỖI - NIỀM TIÊU
KÍNH - TÂM KHI
RA Ở TAM-QUAN

Vàng lời ra ở thiền-môn (2),
Trong toà phượng-trượng (3) dám còn vào ra.
Nương mình bên khóm cúc-hoa,
Một hai chồi trúc, năm ba cụm tùng. (4).
Gương bạch-nguyệt, quạt thanh-phong (5),
Cười cùng thiếu-nữ, bạn cùng thiền-quyên (6).
Lấy gì làm thú giải phiền,
Quyên kinh trăm lá, ngọn đèn một hoa.
Bạch-vân (7) kia nẻo xa xa,

(1) Ý nói : nếu thực có tình với Thị Mầu.

(2) *Thiền-môn* (禪 門) : cửa chùa tức là chỗ tam-quan.

(3) *Phượng-trượng* (方丈) chỗ các vị sư ngồi giảng đạo.

(4) Lấy mấy khóm trúc và mấy cây thông làm bạn.

(5) *Bạch-nguyệt* (白 月) : trăng trong, *thanh-phong* (清 風) : gió mát.

(6) *Thiếu-nữ* (少 女) : tức là gió, vì gió là phong-di (風 姨). Trên cung trăng có Hằng Nga (姮 娥), nên gọi là thiền-quyên.

(7) *Bạch-vân* (白 雲) : mây trắng. Ông Dịch Nhân Kiệt đời nhà Đường ngày xưa, khi đi xa nhà, thấy đám mây trắng bay qua núi Thái-hành (太 行) ông trở đám mây nói rằng: cha mẹ ta ở chỗ dưới đám mây trắng kia kia. Câu này ý nói là xa nhà, xa cha mẹ.

QUAN-ÂM THỊ-KÍNH

570— Song thân ta đây là nhà phải không. ?

Bể, non chưa chút đền công,

Bấy lâu nay những nặng lòng vì con.

Ngõ đã qua hạn Cự-môn (1),

Ai hay Thái-tuế (2) hãy còn theo đây.

Tiền-sinh (3) nghiệp-chướng (4) có đầy,

Cho nên trời mới đem dày nhân-gian.

Mắt phàm (5) khôn tỏ ngay gian,

Hai phen đem buộc tiếng oan tày trời (6).

Chân kinh (7) tụng mấy muôn lời,

580— Tai-ương hay cũng rụng-rời như tro (8).

Sá thù chi dứa dâm-ô (9),

Nước tùy-duyên (10) rửa di cho kẻ mà!

Chữ rằng: nhân-nhục nhiệm-hoà (11),

(1) *Cự-môn* (巨門) : tên một ngôi sao. Theo sách số Tử-vi, năm nào có sao Cự-môn chiếu là năm ấy có nhiều tai nạn.

(2) *Thái-tuế* (太歲) : tên một ngôi sao. Cự-môn, Thái-tuế là 2 sao hung-tinh, năm nào có 2 sao ấy chiếu vào cung bản-mệnh, thì năm ấy nhiều tai nạn.

(3) *Tiền-sinh* (前生) : kiếp trước.

(4) *Nghiệp-chướng* (業障) cái nhân, cái mầm xấu gây ra từ kiếp trước.

(5) *Mắt phàm* : mắt người phàm-trần.

(6) 2 lần là lần trước bị tiếng oan giết chồng, lần này bị tiếng oan là gian dâm với thị Mầu.

(7) *Chân kinh* (真經) : kinh Phật nói về chân-lý.

(8) *Tai-ương* (災殃) : tai-vạ.

(9) *Dâm-ô* (淫汚) : gian dâm ô uế.

(10) *Tùy-duyên* (隨緣) : tùy theo duyên phận, không oán trách ai cả. Tiếng nhà Phật.

(11) *Nhân-nhục nhiệm-hoà* (忍辱任和) : cố nhịn không lấy sự ấy là nhục, để cho được hòa vui.

QUAN-ÂM THỊ-KÍNH

Nhân điều khó nhân mới là chân tu.
Lọc vàng nào quản công-phu,
Mắt ngừng trên vách ,mấy thu đã chầy (1).

THỊ MẦU SINH CON TRAI, ĐEM GIAO TRẢ TIÊU KÍNH - TÂM

Lần lần tinh đốt ngón tay,
Thị Mầu đã đủ đến ngày sinh trai.
Phủ-ông chi khéo nữ hoài,
590— Con ai thì phó trả ai giữ-giàng.
Lòng này dở dở, dang dang,
Lọt lòng hỏi-hỏi chẳng thương được nào ?
Trên tay nâng giọt máu đào (2),
Hầu đi lại đứng, toan vào lại ra.
Ngỡ chơi đâu biết thế mà,
Cắn răng đem rút ruột già cho ai.
Cắm đầu ra nẻo thiền-trai,
Ôm con len-lén đứng ngoài mái hiên.
Tiêu đương tụng-niệm khẩn-nguyên,
600— Bỗng nghe tiếng trẻ khóc lên giật mình.
Ngánh đi thì dạ chẳng đành,
Nhận ra thì hóa ra mình chẳng ngay.
Góm thay mặt dạn mày dày,
Chân chân đem trả con dây mà về.
Cơ-thiền (3) kẻ cũng khắt-khe,
Khéo xui ra đưa làm rề-riếu mình.

(1) Các vị chân tu ngồi thiền-định, ngánh mặt vào vách hàng mấy năm.

(2) Âm đưa con mới đẻ trên tay.

(3) Cơ-thiền (機 禪) : cơ vi mẫu-nhiệm của nhà Phật.

QUAN-ÂM THỊ-KÍNH

TIỂU KÍNH - TÂM NHẬN NUÔI ĐỪA TIÊU-NHI CỦA THỊ MẦU

Nhưng vì trong dạ hiếu sinh (1),
Phúc thì làm phúc, dơ đành chịu dơ.

Cá trong chậu nước bơ-vơ,
610— Khi nay chẳng cứu, còn chờ khi nao ?
Chẳng sinh cũng chịu cù-lao (2),
Xót tình măng sữa, nâng vào trong tay.
Bữa sau sư-phụ mới hay,
Dạy rằng : « Như thế thì thầy cũng nghỉ.
« Phỏng như khác máu ru thì,
« Con ai mặc nấy, can gì đa mang ? »
Bạch rằng : « Muôn đời thầy thương,
« Xưa nay thầy dạy mọi đường nhỏ to.

« Dù xây chín đợt phù-đồ (3),
620— « Sao bằng làm phúc cứu cho một người.
« Vậy nên con phải vâng lời,
« Mệnh người dám lấy làm chơi mà liều. »
Sư nghe thừa-thốt mấy điều,
Khen rằng : « Cũng có ít nhiều từ-tâm (4) ».
Rõ là nước lã vẫn lành,

(1) *Hiếu sinh* (好生) do chữ « hiếu sinh thiên địa chi đại đức (好生天地之大德) : đức lớn của trời đất là muốn cho muôn vật đều sống.

(2) *Cù-lao* (劬勞) : khó nhọc. Trong Kinh Thi có câu rằng : ai ai phụ-mẫu, sinh ngã cù-lao (哀哀父母生我劬勞) : thương thay cha mẹ, sinh ra ta công-phu khó-nhọc lắm.

(3) *Phù-đồ* (浮屠) : cái tháp của nhà chùa.

(4) *Từ tâm* (慈心) : lòng nhân-từ.

QUAN-ÂM THỊ-KÍNH

Mà đem giọt máu tình thâm (1) hoà vào.
Mẹ vò thì sữa khát-khao (2),
Lo nuôi con nhện làm sao cho tuyền (3).
Nàng-niu xiết nổi truân-chuyên,
630— Nhai cơm mớm sữa, dễ nèn thân người.
Đến dầu ai cũng chê cười,
Tiểu kia tu có trót đòi được dầu ?
Biết chẳng một đũa thương-dầu,
Minh là hai với Thị Mầu là ba.
Ra còng nuôi hộ thiết là,
Đương buồn có trở hóa ra đỡ buồn.
Khi trống giục, lúc chuông dồn,
Tiếng chuông lẫn tiếng ru con tối ngày.
Phù-tri như thổi ra ngay (4),
640— Lọ phương hoạt-ấu, lọ thầy bảo-anh (5).
Bùa thiêng đã sẵn kim-kính (6),

(1) Thị Mầu đối với Kính-Tâm là người dưng nước lã mà lại dầm-ô. ví như nước lã mà lại đục vẩn lấm lèn.

(1) *Tình thâm* (情深) : tình sâu. Ý nói : con của Thị Mầu đối với mình không có thân-thiết gì, mà chăm-chút như con đẻ.

(2) và (3) Ý nói : Tiểu Kính-Tâm nuôi con của Thị Mầu cũng như tò vò mà nuôi con nhện, làm gì có sữa cho con bú.

(4) Ý nói : đũa con của Thị-Mầu chóng lớn như thổi.

(5) *Hoạt-ấu* (活幼) và *Bảo-anh* (保嬰) là 2 phương thuốc chữa trẻ con. Ý nói : không sài-độn gì cả.

(6) *Kim-kính* (金經) tức là kinh Quang-minh (光明) đề độ cho trẻ con.

QUAN-ÂM THỊ-KÍNH

Ma-vương kia cũng phải kính lạy (1).

Thoi đưa thảng lại ngày qua (2),
Mấy thu mà đã lên ba tuổi rồi.

Con mày (3) mà giống cha nuôi,
Hình-dung ý-tứ khác nòi bản-sinh (4).

Mai ngày đến lúc trưởng-thành (5),
Cơ-cửu (6) dễ rạng tiền-trình (7) hơn xưa.

Vừa mừng con đã sỏn-sò,
650— Ai ngờ lắm kéo hết tờ thì già (8).

Gió vàng (9) một phút thoảng qua,

(1) Ý nói : dẫu dữ-tợn như ma-vương ngày xưa, còn phải quy phục kim-kinh của đức Phật, hưởng chi tà ma nào dám trêu đến đứa bé ấy.

(2) Bởi câu *Tuế nguyệt như thoa* (歲月如梭) : ngày tháng đi nhanh như là cái thoi đưa. Ý nói là thăm-thoát không bao lâu.

(3) Con mày tức là con đi xin được.

(4) Bản-sinh (本生) : mẹ đẻ ra. Ý nói : đứa bé ấy khác hẳn tính mẹ đẻ là Thị-Mẫu.

(5) Trưởng-thành (長成) : lớn khôn.

(6) Cơ-cửu (箕裘) bởi câu chữ Hán : lương cung chi tử, tất học vi cơ, lương dã chi tử, tất học vi cửu (良弓之子, 必學爲箕, 良治之子, 必學爲裘) : con nhà cung khéo, tất học làm cái thúng, con nhà đúc khéo, tất học làm áo cừu, nghĩa là con nhà làm cung, thấy cha mẹ uốn-nắn cái cung, thì cũng bắt chước uốn-nắn cái cặp thúng, con nhà đúc giỏi, thấy cha mẹ chấp nhặt những cái vụn-vật đúc làm miếng to, cũng bắt-chước chấp nhặt những miếng da cừu nhỏ, làm thành cái áo cừu. Ý nói là theo nề-nếp.

(7) Tiền-trình (前程) : con đường về sau này.

(8) Ý nói nuôi con lớn lên, thì mẹ già.

(9) Gió vàng : tức là gió tây, bởi chữ kim-phong (金風) vì hướng tây thuộc hành kim. Ý nói là mùa thu.

QUAN-ÂM THỊ-KÍNH

Lá ngô biển sắc, cảnh hoa ủ màu (1).
Than rằng này đạo cao sâu,
Cam lòng tịch diệt (2) ngon đầu phạm-trần.
Hóa thân thì mượn chân thân,
Siêu thân được lượm tinh-thần mang đi.
Ký quy (3) đành chẳng lệ chi,
Đoái tình trứng nước, nghĩ thì càng thương(4).

TIÊU KÍNH - TÂM VIẾT THƯ DẶN CON, RỒI SIÊU - THOÁT.

Gọi con từ-giã mọi đường,
660— Bút hoa mới viết vài hàng căn-nguyên.
Thảo thư dặn rõ căn truyền,
Cầm tay, rồi sẽ tìm lên quê nhà.
Chờ khi xả tự thoát ra,
Lên hầu sư-phụ rồi mà bạch ngay.
Dứt lời thoát đã chia tay,
Hồn hương (5) đã sẵn xe mây rước về (6).
Khen cho bé nhỏ mà ghê,
Vật mình lẫn khóc ngồi kề một bên.
Vâng lời nhủ lại dám quên,

(1) Mùa thu thì lá ngô rụng.

(2) *Tịch diệt* (寂滅): tức là chết.

(3) *Ký quy*: bởi chữ sinh ký tử quy (生寄死歸): sống là gửi, thác là về. *Đành chẳng lệ chi*: tức là nói: dẫu chết cũng chẳng cần gì.

(4) Ý nói: chỉ thương con còn măng sữa.

(5) *Hồn hương* (香魂): hồn thơm.

(6) Ý nói là chết.

670— Xăm xăm lên bạch sư trên thiên-đường.

Nghe lời, sư nghĩ mà thương.

Dạy rằng : « Nào bản đạo-trưởng ra coi (1).

« Kính-Tâm châu Phật đi rồi,

« Phải ra xem sóc, cứ noi lệ thường ».

Giờ lâu vào bạch rõ-ràng,

Rằng nay tiểu ấy coi dường nữ ni (2).

Sư rằng : « Nghe nói hồ-nghi,

Vãi đâu ra thử, có thì lại thừa .»

Vãi rằng : « Sư chẳng còn ngờ,

680 — « Thế mà đày-đọa bấy giờ đến nay. »

Sãi vào trình với làng hay,

Quả-nhiên xóm nọ thôn này đồ ra.

Xôn-xao tín-nữ, lão-bà (3),

Đều rằng tu thế mới là chân tu.

Cha con Mâu-thị phao-vu,

Mỗ truyền lấp tức ra cho làng đòi.

Khoán sư dân đã thu rồi,

Chiều thu nộp một bắt bồi làm hai.

Trị tang (4) các việc trong ngoài,

690 — Phú-ông còn đồ cho ai được nào. ?

Tiểu-nhi sư mới gọi vào,

Cha con nhủ lại những sao bây giờ ?

Bạch rằng : thương-xót con thơ,

Trối-trắng có viết một tờ lại đây.

Xem thư sư-phụ mới hay,

Thương cho tiếng nợ điền này những oan.

(1) Đạo-trưởng (道場) : người giúp việc trong chùa.

(2) Nữ-ni (女尼) : sư nữ.

(3) Tín-nữ (信女) : người đàn-bà con-gái mộ đạo.

Lão-bà (老婆) : bà già.

(4) Trị tang (治喪) : làm ma.

QUAN-ÂM THỊ-KÍNH

Xa-xôi cách mấy trùng-san (1),
Cho đưa thư tới Hương-quan què nằng (2).
Sấm-sanh lễ-vật mọi đường,
700— Phú-ông vâng phải tính phương chu-tuyền (3).
Ngửa tay chịu việc tần phiên,
Nhờ con báo-bổ đã nhen cam lòng.
Thị Mầu cùng bạn má hồng,
Đề tang phải khóc là chồng dỏ-dang (4).
Phần thi hồ với dân làng,
Phần thi rầu với song đường nơi đây.
Còn người còn cái then này,
Phải liêu như thể vợ thầy Trang-sinh (5).

(1) *Trùng-san* (重山) : mấy lần núi.

(2) *Hương-quan* (鄉閭) : chỗ quê-hương.

(3) Phú-ông phải chịu cả tiền phí-tồn.

(4) Bất Thị Mầu phải khóc Tiều Kính-Tâm bằng chồng.

(5) Ngày xưa *Trang Chu* (tức Trang-sinh) kể chuyện cho vợ nghe là thấy một người đàn bà chồng chết, đem quạt ra quạt mồ, ông hỏi thì người đàn bà ấy trả lời rằng : khi chồng chết, có dặn lại rằng : phải cho khô mồ, hãy lấy chồng khác. nay quạt cho mồ chóng khô, đề lấy chồng. Vợ ông chê trách người đàn bà ấy thậm tệ, ông bảo vợ rằng : chưa chắc sau ông chết, vợ ông đã ở vậy được. Vợ ông thề rằng không bao giờ lấy chồng khác, nếu ông chết đi. Sau đó ít lâu, ông giả cách chết, (vì Trang-Tử có phép thần thông), khi đã nhập quán rồi, ông hóa ra một người con trai rất đẹp, đến viếng ông, nhận là học trò ông, vợ ông thấy người ấy đẹp quá, liền phải lòng người ấy, khi nhập phòng, người ấy giả cách kêu đau bụng lắm, vợ ông hỏi người ấy rằng : thuốc gì chữa cho khỏi được, người con trai đẹp ấy nói : chỉ có óc người mới

(Xem tiếp chú-thích trang 67)

QUAN-ÂM THỊ-KÍNH

Trầm-luân (1) kiếp ấy đã dành,
710 — May ra còn có chút tình xót-xa.

NỖI NHÀ MĂNG - ÔNG SAU
KHI NHẬN ĐƯỢC THƯ.

Xót thay họ Măng tuổi già,
Bức thư đưa đến mở ra rưng rờ.
Vân-mòng (2) đã mấy năm trời,
Thấy thư lại hóa ra người biệt-ly (3).
Ỗ-hoè (3) một giấc còn chi,
Người là người cũ, thư thì thư không.
Quần bao nước thăm, non cùng (4),
Đeo khăn quải gánh thẳng giòng tức thì.
Nghe tin Thiện Sĩ theo đi,

chứa được. vợ ông tức thì lấy vồ đập săng ông ra, định lấy óc của ông cho người con trai ấy uống. Khi bật nắp săng ra, thì Trang-Tử ở trong săng ngồi nhòm dậy mà người con trai đẹp biến đi đâu mất rồi. Vợ ông xấu-hồ quý, tự tử chết. Ông thấy vợ chết, gõ cái bồn mà hát. Nên sau có câu rằng : thương thay cho kẻ quạt mồ, giận thay cho kẻ lấy vồ đập săng. Sau người ta mới mượn «chữ cồ-bồn (鼓盆) : gõ cái bồn, là diên-tích vợ chết.

(1) Trầm-luân (沉淪) : chìm-đắm. Tiếng nhà chùa.

(2) Vân-mòng : tức là tin-tức, thăm-hơ.

(3) Ỗ hoè (倚槐) : tựa vào cây hoè. Ngày xưa có người nằm mơ thấy ngồi tựa vào gốc cây hoè, đến hỏi người đoán mộng bảo rằng : chữ hoè (槐) thì một bên là chữ mộc (木), một bên là chữ quý (鬼), đó là cái diềm sắp chết, vì mộc là gỗ mà quý là ma. Sau quả nhiên người ấy chết thật.

(4) Ý nói là đường xa, dặm thẳng.

QUAN-ÂM THỊ-KÍNH

- 720 — Gánh sàu san xẻ, nặng-nề cả ba (1).
Thấp cao dặm trúc, ngàn hoa,
Qua Hồ-tây đến đây là chùa Văn.
Cần quyền xót nỗi song thân,
Nước non len-lỏi mấy lần thăm xa.
Ngừng trông ba thước hồng-la (2),
Trách thầy Tử-Hạ (3) khóc mà được chẳng ?
Thiền-cung từ vắng ả Hằng,
Tìm kim đáy nước, mò trăng giữa đầm. (4).
Non Hành (5) nhận vắng tin thăm,
730 — Sông Ngô tìm cá, thì tâm cũng chìm (6).
Bấy lâu tin-tức đã im,
Ai hay di-thể (7) còn tìm thấy đây ?
Giữa đường thoát gánh khỏi tay,
Thông già, huyền côi (8) sau này làm sao ?
Lòng chàng chín khúc tiêu-hao,
Hạt châu lai-láng, thấm bào như dong.
Lời nguyện chỉ núi thề sông,
Tiếng là da-mỡ, nghĩa cùng thịt-xương.
Tơ-duyên bỗng xẽ đôi đường,
740 — Vì anh lỗi đạo, cho nàng ngậm oan.

(1) Hai ông, bà Mãng-ông với Thiện Sĩ là ba người.

(2) Hồng-la (紅羅) : lụa đỏ. Mảnh lụa đỏ viết tên tuổi người chết dán vào minh tinh hay treo ở cạnh phướn.

(3) Thầy Tử-Hạ (子夏) : ngày xưa con chết, thương khóc đến nỗi loà mắt.

(4) Ý nói : không biết ở đâu mà tìm được.

(5) Non Hành : tức là núi Hành-sơn (衡山).

(6) Câu này ý nói là không thấy tin-tức gì.

(7) Di-thể (遺體) : cái xác còn sót lại.

(8) Ý nói là cha mẹ già.

QUAN-ÂM THỊ-KÍNH

Châu rời có lẽ phục hoàn (1),
Cũng mong Liễu lại tay Hàn (2) mai ngay.
Nửa chần đề bụi đã đầy,
Uyên-ương (3) ước lại sum-vầy đồng khâm (4).
Vi-Cao lòng vẫn chăm chăm (5),
Ngọc-Tiêu phỏng độ mấy năm tái hoàn (6) ?
Thề rằng chán chuyện nhân-gian,
Lại xin theo dấu Niết-bàn (7) ở đây..
Họa chẳng gặp kiếp sau này,
750 — Chẳng thì xin hóa làm cây Hàn Bằng (8).
Ai trông thấy chẳng ngấp-ngừng,
Động lòng mà khóc người đứng sứt-sùi.

(1) *Phục hoàn* (復還) : lại trở về chốn cũ. Mạnh-Thường đời Hán, làm quan Thái-thú ở quận Hợp-phố, đánh mất hạt châu, rồi sau lại tìm thấy, Sau có câu : « *Hợp phố hoàn châu* (合浦還珠) : châu về Hợp-phố.

(2) Đã thích nghĩa ở mục Chương-dài Liễu ở trên.

(3) *Uyên-ương* (鴛鴦) : chim uyên-ương, con trống con mái bao giờ cũng ở liền với nhau, cho nên người ta mượn chữ uyên-ương để nói là vợ-chồng.

(4) *Đồng khâm* (同衾) : cùng chăn.

(5) *Vi-Cao* (韋高) : người đời Đường, khi đến chơi đất Giang-hạ có nhân-tình với Ngọc-Tiêu, sau Vi-Cao về nhà 7 năm, Ngọc-Tiêu bị chết, đầu thai làm kiếp khác, rồi lại làm vợ Vi-Cao.

(6) *Tái hoàn* (再還) : lại về.

(7) *Niết-bàn* (涅槃) : coi tịch-diệt tức là chết. Tiếng nhà Phật.

(8) Hàn Bằng người đời Đông-Chu, có vợ đẹp ; bị vua lấy hiếp mất, nàng tự tử chết, Hàn Bằng nhớ vợ, cũng tự-tử chết, hai má chôn liền nhau, mỗi má đều mọc lên một cây, rễ cây nọ quấn quít với rễ cây kia.

QUAN-ÂM THỊ-KÍNH

Một đoàn bồ-bạc (1) tới lui,
Dọn đường tổ-đạo (2), đặt nơi ủy-hình (3).
Theo đưa kia biết bao tình (4),
Đưa nuôi hoàng-khẩu (5), dưỡng sinh bạch-dầu (6).

Tiếng tiêu inh-ỏi giọng sầu,
Một giây bạch bố (7) bắc cầu độ vong (8).
Kia ai muốn khảo cho cùng,
760 — Theo đưa cũng chạnh tấm lòng ăn-năn.
Nỗi cơn lệ vũ sầu vân (9),
Vang hồi pháp-khi (10), rung cảnh linh-phan (11).
Vùi hương chôn ngọc đã an (12),
Cửa thiền mới đặt pháp-đàn làm chay.

(1) Bồ-bạc (葡萄) : vôi vàng, hấp tấp.

(2) Tổ-đạo (祖道) : chỗ tiễn chân người đi.

(3), Ủy-hình (委形) : nơi chôn xác thịt người chết, tức là chỗ huyết chôn.

(4) Bao nhiêu hạng người.

(5) Hoàng-khẩu (黄口) : mép vàng, tức là trẻ con (con thị Mầu)

(6) Bạch đầu (白头) : đầu bạc, tức là ông bà Măng-ông.

(7) Bạch bố (白布) : vải trắng.

(8) Độ vong : độ cho vong-linh người chết được siêu thoát.

(9) Lệ vũ (淚雨) : nước mắt như mưa. Sầu vân (愁雲) : mối sầu ngùn-ngụt như là mây.

(10) Pháp-khi (法器) : các chuông, mõ, thanh-la, dùng để đánh trong khi cúng ; cửa nhà Phật.

(11) Linh-phan (靈幡) : cờ phướn.

(12) Ý nói : đã chôn cất xong rồi.

QUAN-ÂM THỊ-KÍNH

Đủ đồ thập-cúng sẵn bày, (1),
Lòng di ba cõi (2), hương bay chín trời (3).
Bảo đường (4) tụng niệm mấy lời,
Chúc cho giải thoát sang đời mai sau.

TIÊU KÍNH - TÂM
ĐƯỢC SIÊU - THĂNG
LÀM PHẬT QUAN-ÂM.

Ai hay phép Phật nhiệm-mầu,
770 — Có khi nước Trúc (5) ở đâu cũng gần.
Giữa trời kết đóa tường-vân (6),
Đức Thế-Tôn (7) hiện toàn thân xuống đàn.
Ào ào dạng bóng tường-loan (8),
Tràng-phan (9) bảo cái (10) giao-quan (11) âm-
thầm.
Truyền rằng nào Tiêu Kính-Tâm,
Phi thăng làm Phật Quan-Âm tức thì.

(1) *Thập cúng* (十供) : mười thứ dâng cúng Phật, như hương, hoa, oản, quả, v. v

(2) *Ba cõi* : tức là cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc.

(3) *Chín trời* tức là cửu-thiên (九天) chín tầng mây trên trời.

(4) *Kính chi bảo* cho các vong biết đường đi về cõi cực lạc.

(5) *Nước Trúc* tức là nước Thiên-trúc (天竺) : nước Phật.

(6) *Tường vân* (祥雲) : đám mây có màu-sắc lạ đẹp.

(7) *Đã giải nghĩa ở trên.*

(8) *Tường-loan* (祥鸞) : xe của Phật đi trên mây.

(9) *Tràng-phan* (長幡) : cây phướn dài.

(10) *Bảo-cái* (寶蓋) : cái lọng, cái tàn quý.

(11) *Giao-quan* (遙觀) : trông xa.

QUAN-ÂM THỊ-KÍNH

Lại thương đến đứa si-nhi (1),
Trên tay cho đứng liền khi bấy giờ.
Kìa như Thiện Sĩ lờ-dờ,
780 — Cho làm chim vẹt đứng nhờ một bên.
Độ cho hai khóm thung. huyền,
Giơ tay cầm quyết, bước lên trên tòa.
Siêu-thăng thoát cả một nhà,
Từ nay phúc đẳng hà-sa (2) vô cùng.
Lên miền cực-lạc (3) hội đồng,
Mọi người khi ấy đều trông rành rành.

KẾT - LUẬN.

Cho hay lành lại gặp lành,
788. — Na-mô di Phật tu-hành thì coi.

PHỤ LỤC

BỨC THƯ CỦA THỊ KÍNH GỬI CHO CHA MẸ :

Ơn sơn-hải (3-B) một chút chi chưa báo, ở sao
đành dù đi có sao đành,

(1) Si-nhi (癡兒) : đứa trẻ thơ-ngây. Chi con Thị-Mẫu.

(2) Hà-sa (河沙) : số cát ở sông Hằng-hà, ý nói là
nhiều lắm không biết đâu mà kể được.

(3) Cực-lạc (極樂) : rất vui, cõi Phật.

(3-B) Sơn-hải (山海) : núi và bể. Ý nói công cha mẹ
như núi, như bể.

QUAN-ÂM THỊ-KÍNH

Phận liễu-bồ (1) mười đấy cũng là không, (2)
sống đã tử dù thác đi cũng tử.

Trăm hơn dặm bổng xảy ra muôn kiếp,

Một tấm lòng xin gửi lại mười hàng.

Thị Kính nay:

Hồ phận nữ-nhi,

Nhờ nền phúc-ấm,

Từ kết tóc sớm trao giây tú-mạc (3), ba thu vừa
mới ăm chắn loan.

Vì cắt râu nên nổi sóng Ngân-hà (4), một khắc
nào ngờ tan dịp thước (5)

Tòa Ngưu-Nữ (6) đòi bên cách trở,

Khóm thung-huyền đòi-đoạn bồi-hồi,

Chốn phần-hương thẹn với nước non, đặt gánh
hiếu phải sa rời dặm khách.

Miền Bát-nhã (7) tìm vào mây khói, nương bè
Từ (8) cho vượt khỏi sông mê (9).

(1) *Liễu-bồ* (柳蒲) : cây liễu và cỏ bồ, là hai thứ cây
coi giáng yếu-ớt, đề ví vào đàn-bà yếu-ớt.

(2) Bối câu *Thập nữ viết vô* (十女曰無) : có
mười con gái cũng gọi là không có con.

(3) *Tú-mạc* (綉幙) : màn thêu.

(4) *Ngân-hà* (銀河) : sông Ngân-hà ở trên trời.

(5) *Dịp thước* dịp cầu của chim ô-thước bắc cho Ngưu-
lang Chức-nữ sang với nhau.

(6) *Ngưu-Nữ* (牛女) tức là Ngưu-lang (牛郎) và
Chức-nữ (織女)

(7) *Bát-nhã* (般若) : thanh tịnh, tức cõi Phật.

(8) *Bè-từ* : tức Từ-Hàng (慈航) bè của Phật để độ
chúng-sinh.

(9) *Sông mê* tức là cõi phàm-trần.

QUAN-ÂM THỊ-KÍNH

Được quang-minh mong đốt cháy thành sầu,

Bể khổ-hạnh bỗng nảy lên bãi giác (1).

Cảnh Văn-Tự mừng vui miền thúu-lĩnh, (2)
rẫy cảnh dương chẳng bận chút trần-ai.

Ả Thị Mầu đem đặt chuyện Vu-sơn (3), gầy vóc
liều đã cam lòng giả sở (4).

Thửa làm vợ đề chồng ngò thất tiết,

Lúc làm trai cho gái đổ oan tình.

Đoái nghĩ, ơn chín chữ cù-lao, xa-xôi chốc đã
sáu thu, khoái-khoắc bận lòng khi đán-mộ (5),

Tưởng đến nỗi đôi đường ly-biệt, nuôi-nấng gọi
là một chút, viếng thăm thay mặt buổi thần-hôn (6).

Muôn phần bội bạc đã cam rồi,

Trăm lạy nghiêm-từ xin ở lại.

== H Ể T ==

(1) *Bãi giác* : cõi Phật, chỗ các bậc giác-ngộ ở.

(2) *Thúu-lĩnh* (鬪嶺) : tức là núi của nước Phật, chỗ
núi Phật ở.

(3) *Vu-sơn* (巫山) giấc mộng dâm-dục của vua Sở
ngày trước.

(4) *Giả sở* (假楚) : đòn vọt đánh đập. Lấy cây giả cây
sở làm roi mà đánh.

(5) *Đán mộ* (旦暮) : sớm tối.

(6) *Thần-hôn* (晨昏) : cũng như đán mộ.

NHÀ XUẤT - BẢN TÂN VIỆT



sáng-lập năm 1937

với sự hợp-tác của các học-giả và nhà-
văn danh-tiếng Trung, Nam, Bắc :
**Bùi Kỷ — Trần Trọng Kim —
Phan Văn Hùm — Trần Thanh
Mại — Thi Nham — Đào Trinh
Nhất — Lê Ngọc Trự — Trúc**

**Khê — Hà Như Chi — Phạm Trọng Nhân —
Tôn Thất Lương — Nhượng Tống — Phạm văn
Diêu — Bửu Kế v... v...**

*đã xuất-bản trên 350 thứ sách chia ra
làm nhiều loại.*

Hiện còn những thứ mời

I.— SÁCH GIÁO-KHOA

A. — LOẠI BIÊN-KHẢO VÀ PHIÊN-DỊCH

- 1.— *Việt-Nam Sử-Lược* của Trần trọng Kim (lần thứ năm)
(Nam-việt 150đ. — ngoài Nam-việt 160đ.)
- 2.— *Việt-Nam Văn-Phạm* của ba ông :
Phạm Duy Khiêm Bùi Kỷ và Trần trọng Kim.
(Giá 32đ — Ngoài Nam-việt 34đ)
- 3.— *Quốc-Văn Cự-Thể* của Ưu-Thiên Bùi-Kỷ
(Giá 23đ — Ngoài Nam-việt 26đ)
- 4.— *Việt-Thi* của Trần trọng Kim
(Giá 18đ — Ngoài Nam-việt 20)
- 5.— *Đường-Thi* của Trần trọng Kim
(Giá 55đ — Ngoài Nam-việt 60đ)
- 6.— *Tiểu-Học Việt-Nam Văn-Phạm* của Trần trọng Kim
Bùi Kỷ, Nguyễn quang Oánh (*in lần thứ ba*)
(Giá 22đ — Ngoài Nam-việt 24đ)
- 7.— *Sơ-Học Luân-Lý* của Trần trọng Kim
(Giá 23đ — Ngoài Nam-việt 26đ)
- 8.— *Việt-Nam Thi-Văn Giảng-Luận*
của Hà như Chi — giáo-sư trường Trung-học Khải
Định — Huế.
(Dùng trong các lớp Trung-học Đệ-nhất cấp và Đệ-
nhị cấp).

Tập ★ (Từ khởi-thủy đến cuối thế-kỷ 18). Gồm có những luận-dề về : Ca-dao và Tục-ngữ — Truyện Trinh Thử — Truyện Tré Cóc — Nguyễn Trãi — Vua Lê thánh Tôn — Nguyễn bình Khiêm — Nguyễn Háng — Lê quý Đôn — Đoàn thị Diễm — Ôa như Hầu — Nguyễn huy Tự — Lê thị Ngọc Hân.

(Giá Nam Việt 45đ. các nơi 48đ).

- 9.— *Việt-nam văn-học giảng-bình* của Phạm văn Diêu — giáo-sư trường Trung-học Khải Định — Huế
Một khoa bản đáp-ứng mọi mong chờ của các bạn học-sinh Đệ-tứ và Đệ-nhi chuyên khoa.

(Giá 50đ — Ngoài Nam-việt 55đ)

Sắp có bán :

- 10.— *Việt nam thi-văn giảng-luận*

Tập ★ ★ (Thế-kỷ thứ 19). Gồm có những luận-dề về : Nguyễn Du — Hồ xuân Hương — Bà huyện Thanh Quan — Nguyễn công Trứ — Cao bá Quát — Cao bá Nhạ — Phan huy Vịnh — Nguyễn đình Chiểu — Tôn thọ Tường — Chu mạnh Trinh — Nguyễn Khuyến — và Trần tế Xương.

B. — LOẠI CỜ VĂN CHÚ-THÍCH

- 1.— *Truyện Thúy Kiều* của Nguyễn Du
do Bùi Kỳ và Trần trọng Kim hiệu-khao (in lần thứ sáu)
(Giá 32đ — Ngoài Nam việt 34đ)
 - 2.— *Truyện Hoa Tiên* của Nguyễn huy Tự
do cụ Tôn thất Lương chú-thích
(Giá 42đ — Ngoài Nam-việt 45đ)
 - 3.— *Chinh Phụ Ngâm Khúc* của Đoàn-thị-Diễm
do cụ Tôn Thất Lương chú-thích (in lần thứ ba)
(Giá N. V. 32đ. các nơi 35đ.)
 - 4.— *Cung Oán Ngâm Khúc*
do cụ Tôn Thất Lương chú-thích (in lần thứ tư)
(Giá Nam-việt 16đ. — các nơi 17đ.)
 - 5.— *Lục Vân Tiên* của Nguyễn đình Chiểu, sửa đúng theo bản P. J. B. Trương vĩnh Ký phát-hành năm 1889 có thêm phần chú-thích (in lần thứ hai).
(Giá N. V. 26đ. các nơi 29đ.)
- Truyện Tré Cóc*
- 6.— do cụ Bùi Kỳ hiệu-dính (in lần thứ hai)
(Giá N. V. 8đ. các nơi 9đ.)
 - 7.— *Truyện Trinh Thử*
do cụ Bùi Kỳ hiệu-dính (in lần thứ hai)
(Giá N. V. 11đ. các nơi 12đ.)

- 8.— *Lục Súc Tranh Công*
do cụ Bùi Kỳ hiệu-định (in lần thứ ba)
(Giá 6đ — Ngoài Nam-việt 7đ)
- 9.— *Truyện Phan Trần* do Thi-Nham chú-thích (lần thứ hai)
(Giá 16đ — Ngoài Nam-Việt 17đ)
- 10.— *Nguyễn Cư Trinh* với quyền *Sãi Vãi* do hai ông
Lê-ngọc-Trụ và Phạm văn Luật chú-thích và dẫn-giải
(Giá 20đ — Ngoài Nam-việt 22đ)
- 11.— *Hoa Điều Tranh Năng*
do cụ Bùi-Kỳ hiệu-định
(Giá 5đ — Ngoài Nam-Việt 6đ)
- 12.— *Hạnh Thực Ca* của Nguyễn nhuộc Thị.
do cụ Trần trọng Kim phiên-dịch và chú-thích
(Giá 9đ — Ngoài Nam-việt 10đ)
- 13.— *Ngư Tiều Vấn Đáp Y-Thuật* của cụ ĐỖ CHIỀU
(tác-giả Lục Vân Tiên) do Phan Văn Hùm hiệu-định
và chú-thích. — *Nhượng Tống* tăng-bình bồ-chú.
(Giá Nam-việt 60đ — các nơi 65đ)
- 14.— *Nhị Độ Mai* do Thi Nham đính-chính và chú-thích.
(Giá Nam-việt 26đ — các nơi 29đ)
- 15.— *Bách-Câu Kỳ Ngộ* do Thi-Nham
đính-chính và chú-thích (in lần thứ hai)
(Giá Nam-việt 14đ — các nơi 15đ)
- 16.— *Nữ Tử-Tài* và *Bàn nữ thần* do Thi Nham chú-thích
(Giá 14đ — Ngoài Nam-việt 15đ)
- 17.— *Gia Huấn Ca* do Thi Nham chú-thích
(Giá 8đ — Ngoài Nam-việt 9đ)
- 18.— *Nhị-thập tứ hiếu* do Cao huy Giu chú-thích
(Giá 12đ — Ngoài Nam-việt 14đ)
- 19.— *Quan-Âm Thị Kính* do Thi-Nham chú-thích
(Giá N. V. 12đ. các nơi 13đ.)

II.— SÁCH GIÁO-KHOA QUỐC-TẾ

Mọi có bán

Thằng người gỗ tức là quyển « *Les aventures de Pinocchio* ». Bản dịch của Bửu Kế.

Được giải nhất cuộc thi tiểu-thuyết của Hội phụ-huynh học-sinh Việt-nam.

Họa-sĩ Mạnh Quỳnh minh-họa. Ấn-loát : 36 hình màu 17 hình đen. Bìa in offset 5 màu.

(Giá Nam-việt 36đ — các nơi 39 đ)

III.— SÁCH KHẢO-CỨU

- 1.— *Vương Dương Minh* của Đào trinh Nhứt
(Giá 32đ — Ngoài Nam-việt 36đ)

- 2.— *Việt Sử Giai-Thoại* của Đào trinh Nhất
(Giá 20đ — Ngoài Nam-việt 22đ)
- 3.— *Tinh-Thần Khoa-Học* của Nguyễn văn Tài
(Giải thưởng Gia-Long năm 1943)
(Giá 17đ — Ngoài Nam-việt 19đ)
- 4.— *Phật-giáo* của cụ Trần trọng Kim
(Giá 18đ — Ngoài Nam-việt 20đ)
- 5.— *Phật-giáo xưa và Phật-giáo ngày nay.*
của cụ Trần trọng Kim
(Giá 13đ — Ngoài Nam-việt 14đ)
- 6.— *Nho-giáo* (quyền thượng) của cụ Trần Trọng Kim
(Giá 80 đ — Ngoài Nam-việt 90đ)

Sắp có bán :

Nho-Giáo (quyền hạ) của cụ Trần Trọng Kim

IV.— GIÓ BỐN PHƯƠNG

- 1.— *Trên đường Giải-Phóng* của nhà văn-hào Cao-ly
Younghill Kang — Bản dịch của Phạm Trọng Nhân
(Giá 42đ — Ngoài Nam-việt 45đ)
- 2.— *Mái Tây* (Tây Sương ký)
một trong lục tài-tử của Tàu. Áng văn dịch bất hủ
của Nhượng Tống
(Giá 55đ — Ngoài Nam Việt 60đ)

V.— THI-NHÂN VIỆT-NAM

- 1.— *Hàn Mạc Tử* — khảo-cứu của Trần thanh Mại
(Giá 32đ — Ngoài Nam Việt 34đ)

VI.— TRUYỆN CỒ VIỆT NAM

- 1.— *Truyện Kỳ Mạn Lục* (toàn tập)
Tập truyện cồ Việt-nam mà cụ Vũ Khâm Lân đã
cho là một «Thiên cồ kỳ bút»
Bản dịch của Trúc Khê — Ngô Văn Triện
(Giá 40đ — Ngoài Nam Việt 43đ)

Đã khởi công in

LOẠI « SÁCH GIÁO-KHOA »
Bậc tiểu-học

VIỆT-SỬ — ĐỊA-LÝ — TÂN QUỐC VĂN

QUAN - ÂM THỊ - KÍNH
do Thi-Nham ĐÌNH GIA
THUYẾT đính-chính và
chú-thích in lần thứ nhất
do nhà TÂN VIỆT xuất-
bản — ngoài những bản
thường có in riêng sáu
bản trên giấy trắng không
bán — Giấy phép xuất-bản
số 1050/T.X.B. ngày 1-12-53
của bộ T. T. Nam-Việt

NHÀ XUẤT-BẢN TÂN VIỆT

SÁNG-LẬP NĂM 1937

Đã xuất-bản trên 350 thứ sách giá-trị

SÁCH GIÁO-KHOA "TÂN VIỆT"

Loại cổ văn chú-thích và dân-giải

Đ Ầ C Ó B Á N

- | | |
|----------------------------|------------------------------------|
| 1. Truyện Thủy Kiều | 10. Nguyễn Cư Trinh
với Sãi Vãi |
| 2. Truyện Hoa Tiên | 11. Hoa điều tranh
năng |
| 3. Chinh-phụ ngâm-
khúc | 12. Hạnh-thục ca |
| 4. Cung-oán ngâm-
khúc | 13. Ngự Tiều văn-đáp
Y-thuật |
| 5. Lục Vân Tiên | 14. Nhị độ Mai |
| 6. Truyện Trê Cóc | 15. Bích-câu kỳ ngộ |
| 7. Truyện Trinh Thử | 16. Nữ Tú-Tài và Bần
nữ thần |
| 8. Lục súc tranh công | 17. Gia huấn ca |
| 9. Truyện Phan Trần | 18. Nhị-thập tứ hiếu. |
| | 19. Quan-Âm Thị Kính |

MỚI PHÁT HÀNH

VIỆT - NAM SỬ LƯỢC

(In lần thứ năm)

của Cụ

TRẦN TRỌNG KIM

NHÀ XUẤT-BẢN TÂN VIỆT

20, Đô-đốc Courbet (trên gác) Saigon

Giấy phép xuất-bản

Số 1050/T.X.B

Bộ Thông Tin N.V.

QUAN-ÂM THỊ KÍNH

Giá } Nam-việt... \$ 00

Các nơi..... \$ 00